

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI 2**  
**KHOA GIÁO DỤC TIỂU HỌC**

-----\*\*\*-----

**BÙI THỊ HẰNG**

**TÌM HIỂU HÀNH ĐỘNG PHÂN TÍCH**  
**CỦA HỌC SINH LỚP 2 QUA MÔN ĐẠO ĐỨC**  
**VÀ MÔN TOÁN**

**KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC**

**Chuyên ngành: Tâm lí học**

**Người hướng dẫn khoa học**

**Th.S LÊ XUÂN TIẾN**

**HÀ NỘI – 2014**

## LỜI CẢM ƠN

Để hoàn thành khoá luận tốt nghiệp với đề tài: “*Tìm hiểu hành động phân tích của học sinh lớp 2 qua môn Đạo đức và môn Toán*”, tôi đã nhận được sự hướng dẫn rất tận tình của thầy giáo – Thạc sĩ Lê Xuân Tiến, sự giúp đỡ của các thầy cô trong khoa Giáo dục Tiểu học trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2, sự giúp đỡ của cô giáo chủ nhiệm lớp 2A, cô giáo chủ nhiệm lớp 2B cùng các em học sinh lớp 2A và 2B.

Qua đây, tôi xin gửi lời cảm ơn sâu sắc đến các thầy cô giáo trong khoa Giáo dục Tiểu học, các cô giáo ở trường Tiểu học Uy Nỗ – Thị trấn Đông Anh – Thành phố Hà Nội cùng toàn thể các em học sinh lớp 2A và 2B. Đặc biệt, tôi xin gửi lời cảm ơn sâu sắc nhất đến thầy giáo – Thạc sĩ Lê Xuân Tiến đã tận tình hướng dẫn và tạo những điều kiện tốt nhất để tôi hoàn thành khoá luận tốt nghiệp này.

Tôi xin chân thành cảm ơn!

*Hà Nội, tháng 5 năm 2014.*

Sinh viên thực hiện

**Bùi Thị Hằng**

## LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đề tài “*Tìm hiểu hành động phân tích của học sinh lớp 2 qua môn Đạo đức và môn Toán*” là kết quả mà tôi đã trực tiếp tìm tòi, nghiên cứu. Những kết quả thu được là hoàn toàn chân thực và chưa có trong một đề tài nghiên cứu nào.

Nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm!

*Hà Nội, tháng 5 năm 2014*

**Sinh viên thực hiện**

**Bùi Thị Hằng**

## MỤC LỤC

|   |          |
|---|----------|
| <b>MỞ ĐẦU</b> .....   | <b>1</b> |
| 1. Lý do chọn đề tài.....   | 1        |
| 2. Mục đích nghiên cứu.....   | 2        |
| 3. Khách thể và đối tượng nghiên cứu. ....                                      | 2        |
| 4. Giả thuyết khoa học. ....  | 2        |
| 5. Nhiệm vụ nghiên cứu. ....  | 3        |
| 6. Phương pháp nghiên cứu.....  | 3        |
| 7. Phạm vi nghiên cứu.....  | 4        |
| 8. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài. ....                               | 4        |
| 9. Cấu trúc của khoá luận.....  | 4        |
| <b>NỘI DUNG</b> .....   | <b>5</b> |
| <b>CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN</b> .....  | <b>5</b> |
| 1.1. Tổng quan các công trình nghiên cứu có liên quan đến đề tài khoá luận..... | 5        |
| 1.2. Những vấn đề lý luận có liên quan đến đề tài.....                          | 6        |
| 1.2.1. Các khái niệm cơ bản.....  | 6        |
| 1.2.1.1. Khái niệm hoạt động.....   | 6        |
| 1.2.1.2. Khái niệm hành động.....   | 7        |
| 1.2.1.3. Khái niệm hoạt động học.....   | 8        |
| 1.2.1.4. Khái niệm hành động học.....   | 9        |
| 1.2.2. Hoạt động học của học sinh Tiểu học.....                                 | 10       |
| 1.2.2.1. Đặc điểm hoạt động học của học sinh Tiểu học.....                      | 10       |
| 1.2.2.2. Cấu trúc hoạt động học của học sinh Tiểu học.....                      | 10       |
| 1.2.2.3. Sự hình thành hoạt động học. ....                                      | 14       |
| 1.2.2.4. Hành động phân tích trong hoạt động học tập của học sinh .....         | 15       |
| 1.2.3. Bài tập và phân loại bài tập.....  | 16       |
| 1.2.3.1. Khái niệm bài tập.....   | 16       |

|  |           |
|--|-----------|
| 1.2.3.2. Phân loại bài tập.....  | 17        |
| 1.3. Đặc điểm tâm lí của học sinh lớp 2 có liên quan đến đề tài khóa luận.....                               | 18        |
| 1.4. Khái quát về môn Đạo đức và môn Toán lớp 2.....   | 21        |
| 1.4.1. Khái quát về môn Toán lớp 2.....  | 21        |
| 1.4.1.1. Mục tiêu. ....  | 21        |
| 1.4.1.2. Nội dung môn Toán 2. ....   | 21        |
| 1.4.1.3. Chương trình Toán lớp 2 đối với sự phát triển hành động phân tích của học sinh.....                 | 24        |
| 1.4.2. Khái quát về môn Đạo đức lớp 2. ....  | 25        |
| 1.4.2.1. Mục tiêu. ....  | 25        |
| 1.4.2.2. Nội dung môn Đạo đức 2.....   | 25        |
| 1.4.2.3. Chương trình Đạo đức lớp 2 đối với sự phát triển hành động phân tích của học sinh.....              | 26        |
| <b>CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG HÀNH ĐỘNG PHÂN TÍCH CỦA HỌC SINH LỚP 2. ....</b>                                     | <b>28</b> |
| 2.1. Thực trạng hành động phân tích qua môn Đạo đức.....   | 28        |
| 2.2. Thực trạng hành động phân tích qua môn Toán. ....   | 35        |
| <b>CHƯƠNG 3: THỬ NGHIỆM NÂNG CAO HÀNH ĐỘNG PHÂN TÍCH CHO HỌC SINH LỚP 2 QUA MÔN ĐẠO ĐỨC VÀ MÔN TOÁN.....</b> | <b>42</b> |
| 3.1. Mục tiêu thử nghiệm. ....   | 42        |
| 3.2. Nội dung cơ bản của chương trình thử nghiệm. ....   | 42        |
| 3.3. Khách thể thử nghiệm và đối chứng. ....   | 43        |
| 3.4. Kết quả nghiên cứu. ....  | 44        |
| <b>KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ. ....</b>   | <b>49</b> |
| 1. Kết luận. ....  | 49        |
| 2. Một số kiến nghị.....   | 50        |
| <b>TÀI LIỆU THAM KHẢO .....</b>  | <b>51</b> |

# MỞ ĐẦU

## 1. Lý do chọn đề tài

Giáo dục là chìa khoá vàng cho mọi quốc gia, dân tộc bước vào tương lai. Theo "*chiến lược con người*" mục tiêu mà Đảng và Nhà nước ta đề ra là: "*Nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài*". Mục tiêu này đã được cụ thể hoá trong nhiều văn kiện của Đảng và Nhà nước. Đặc biệt trong xu thế hội nhập quốc tế mục tiêu "Bồi dưỡng nhân tài" càng được Đảng và Nhà nước quan tâm "Hiền tài là nguyên khí quốc gia". Đất nước muốn phồn thịnh đòi hỏi phải có những con người có đủ tài, đức để giúp nước. Chính vì vậy, Đảng và nhà nước ta rất quan tâm đến giáo dục, coi giáo dục là mục tiêu chiến lược cho sự phát triển của đất nước. Giáo dục đang được coi là mối quan tâm hàng đầu của toàn xã hội. Nhiệm vụ đặt ra cho ngành giáo dục nói chung và Giáo dục Tiểu học nói riêng là phải làm thế nào để nâng cao chất lượng giáo dục học sinh – thế hệ tương lai của đất nước.

Như chúng ta đã biết, Tiểu học là cấp học đầu tiên của hệ thống giáo dục phổ thông. Cấp học này có mục tiêu: "Giáo dục Tiểu học nhằm giúp học sinh hình thành những cơ sở ban đầu cho sự phát triển đúng đắn và lâu dài về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ và các kỹ năng cơ bản để học sinh tiếp tục học trung học cơ sở". Chính ở cấp học này những đặc điểm tâm lí, đặc điểm sinh lý của trẻ em hình thành và phát triển mạnh mẽ, hình thành nề nếp, thói quen, phương pháp học tập. Vì vậy cấp học tiểu học không chỉ đặt nền móng cho giáo dục phổ thông mà còn đặt nền móng cho sự sáng tạo của học sinh.

Nhận thức được tầm quan trọng nói trên, Giáo dục Tiểu học hiện nay đang có những đổi mới về cả nội dung và phương pháp dạy học. Phương pháp dạy học muốn đạt hiệu quả cao còn phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố trong đó yếu tố quan trọng nhất là giáo viên phải hiểu rõ đặc điểm, bản chất của quá trình học sinh lĩnh hội và vận dụng tri thức.

Đối với học sinh Tiểu học, hành động phân tích là hành động tiên quyết trong việc lĩnh hội, tiếp thu và vận dụng tri thức để giải bài tập. Khi đứng trước một tình huống có vấn đề, để giải quyết nhiệm vụ học tập của mình, học sinh phải tiến hành phân tích tình huống, ngữ liệu, giả thiết... trên cơ sở đó các em mới có thể lập kế hoạch giải quyết nhiệm vụ học. Đây là giai đoạn định hướng hành động. Giai đoạn này quyết định kết quả phần thực hiện hành động. Hành động phân tích vừa là cơ sở, vừa là công cụ để học sinh thực hiện các hành động học khác.

Có thể nói: hành động phân tích là một hành động không thể thiếu trong quá trình học sinh tiếp thu và vận dụng tri thức.

Là sinh viên khoa Giáo dục Tiểu học, nhận thấy các công trình nghiên cứu về hành động phân tích còn chưa nhiều, đặc biệt chưa có một công trình nào nghiên cứu về hành động phân tích của học sinh lớp 2, vì vậy tôi chọn đề tài: *“Tìm hiểu hành động phân tích của học sinh lớp 2 qua môn Đạo đức và môn Toán”*.

## **2. Mục đích nghiên cứu**

Đề tài nghiên cứu nhằm phát hiện đặc điểm hành động phân tích qua môn Đạo đức và môn Toán của học sinh lớp 2. Trên cơ sở đó đề xuất biện pháp nhằm phát triển hành động phân tích cho học sinh qua môn Đạo đức và môn Toán.

## **3. Đối tượng và khách thể nghiên cứu**

- Đối tượng nghiên cứu: đặc điểm hành động phân tích qua môn Đạo đức và môn Toán của học sinh.

- Khách thể nghiên cứu: 91 học sinh lớp 2 Trường Tiểu học Uy Nỗ - Thị trấn Đông Anh – Thành phố Hà Nội.

## **4. Giả thuyết khoa học**

Hành động phân tích đã được hình thành và phát triển ở học sinh lớp 2. Tuy nhiên trình độ thực hiện hành động phân tích không đồng đều giữa các

học sinh. Học sinh phân tích các đối tượng vẫn dựa vào hình ảnh trực quan. Có nhiều nguyên nhân dẫn đến thực trạng trên, trong đó nguyên nhân quan trọng là học sinh chưa biết vận dụng các khái niệm để phân tích, tiếp thu bài học mới, giáo viên chưa chủ động hướng dẫn học sinh phân tích bài tập và giải bài tập.

## **5. Nhiệm vụ nghiên cứu**

- Nghiên cứu những vấn đề lí luận có liên quan đến đề tài.
- Phát hiện và phân tích đặc điểm hành động phân tích của học sinh lớp 2 qua môn Đạo đức và môn Toán.
- Thử nghiệm một số biện pháp nhằm phát triển hành động phân tích cho học sinh.

## **6. Phương pháp nghiên cứu**

### ***6.1. Phương pháp nghiên cứu lí luận***

Tìm hiểu các khái niệm: hoạt động, hành động, hoạt động học tập, hành động học tập, hành động phân tích trong cấu trúc hoạt động học. Tìm hiểu bài tập và phân loại bài tập.

### ***6.2. Phương pháp quan sát***

Quan sát giờ học, giờ kiểm tra để phát hiện ra những biểu hiện về hành động phân tích của học sinh.

### ***6.3. Phương pháp thực nghiệm***

- Thực nghiệm phát hiện: thiết kế một hệ thống bài tập môn Toán và Đạo đức để đo thực trạng thực hiện hành động phân tích của học sinh lớp 2.
- Thực nghiệm hình thành: Hoàn thành giáo án và dạy thử một số tiết môn Đạo đức và môn Toán để phát triển hành động phân tích cho học sinh.

### ***6.4. Phương pháp phân tích sản phẩm hoạt động***

Phân tích các sản phẩm của học sinh: vở bài tập, bài kiểm tra để đánh giá hành động phân tích của học sinh.



### **6.5. Phương pháp xử lí số liệu**

Dùng toán thống kê để xử lí số liệu, so sánh, đối chiếu để rút ra kết luận.

### **7. Phạm vi nghiên cứu**

Đề tài chỉ nghiên cứu đặc điểm hành động phân tích của học sinh lớp 2 trong quá trình học môn Đạo đức và môn Toán.

### **8. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài**

Đề tài này bước đầu tìm hiểu đặc điểm hành động phân tích của học sinh lớp 2 qua việc giải bài tập và thử nghiệm biện pháp hình thành và phát triển hành động phân tích của học sinh qua việc tổ chức cho học sinh tiếp thu tri thức mới.

### **9. Cấu trúc của khoá luận**

- Mở đầu
- Nội dung
  - Chương 1: Cơ sở lí luận
  - Chương 2: Thực trạng hành động phân tích của học sinh lớp 2
  - Chương 3: Thử nghiệm nâng cao hành động phân tích cho học sinh lớp 2 qua môn Đạo đức và môn Toán
- Kết luận và kiến nghị
- Tài liệu tham khảo
- Phụ lục

# NỘI DUNG

## CHƯƠNG 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN

### 1.1. Tổng quan các công trình nghiên cứu có liên quan đến đề tài khoá luận

Thực chất của quá trình dạy học là quá trình tổ chức học sinh thực hiện các hành động học. Bởi vậy, hành động học tập là vấn đề được nhiều nhà khoa học quan tâm nghiên cứu. Trong phạm vi đề tài của mình, tôi xin điếm qua một số công trình nghiên cứu.

Đánh giá về vai trò của hành động phân tích, Lê Khanh đã khẳng định: “Hành động phân tích là phương tiện quan trọng nhất đi sâu vào đối tượng, phát hiện ra nguồn gốc xuất phát của khái niệm cũng như cấu tạo logic của nó” [7, tr 87].

Vũ Thị Nho đã nhận xét: “Đến cuối giai đoạn thứ 2, học sinh nhỏ đã biết khái quát trên những cơ sở, những biểu trưng đã tích lũy được từ trước thông qua sự phân tích tổng hợp bằng trí tuệ” [7, tr 79].

Trong công trình nghiên cứu về đặc điểm tư duy của học sinh cuối bậc Tiểu học, Bùi Văn Huệ đã kết luận: “Học sinh cuối bậc học này có thể phân tích đối tượng mà không cần tới những hành động thực tiễn đối với đối tượng đó. Học sinh các lớp này có khả năng phân biệt những dấu hiệu, những khía cạnh khác nhau của đối tượng dưới dạng ngôn ngữ” [3, tr 101, 102]. Đánh giá vai trò của hành động phân tích trong học tập, ông khẳng định: “Hành động phân tích là hành động tiên quyết trong việc lĩnh hội tri thức, khái niệm khoa học của học sinh Tiểu học” [3, tr 103].

Nguyễn Kế Hào đã nhận xét: “Đến cuối bậc Tiểu học các em có thể phân tích đối tượng mà không cần tới những hành động trực tiếp với đối

tượng, các em có khả năng phân tích những dấu hiệu, những khía cạnh khác nhau của đối tượng ngôn ngữ” [10, tr 2006].

Bùi Văn Huệ, Phạm Thị Hạnh Mai, Nguyễn Xuân Thúc đã chỉ ra rằng: hành động phân tích phải do mỗi học sinh tự thực hiện, giáo viên chỉ là người hướng dẫn hay tổ chức. “Học sinh phải hành động thực sự (chứ không phải chỉ quan sát hay nghe kể...) mà làm biến đổi đối tượng lĩnh hội. Nhờ đó phát hiện được logic của đối tượng nghiên cứu, phát hiện ra mối quan hệ chung của hệ thống đối tượng cần khảo sát” [4, tr 218].

Điём qua các công trình nghiên cứu, cung cấp cho chúng tôi cơ sở lí luận và thực tiễn về hành động phân tích của học sinh Tiểu học. Tuy nhiên chưa có công trình nào nghiên cứu về đặc điểm hành động phân tích của học sinh lớp 2 đã được hoàn thiện và giảm tải.

## **1.2. Những vấn đề lí luận có liên quan đến đề tài**

### ***1.2.1. Các khái niệm cơ bản***

#### ***1.2.1.1. Khái niệm hoạt động***

Hoạt động là quá trình thực thi và xác lập mối quan hệ giữa chủ thể và đối tượng trong đó diễn ra hai quá trình thống nhất với nhau: quá trình đối tượng hoá và quá trình chủ thể hoá. “Quá trình đối tượng hoá là quá trình chủ thể chuyển tâm lí và năng lực của mình vào sản phẩm hoạt động hay quá trình xuất tâm, vận dụng. Quá trình chủ thể hoá là quá trình chuyển nội dung đối tượng vào bản thân mình để tạo ra sự phát triển tâm lí trong quá trình tiếp thu” [8, tr 96]. Nói cách khác hoạt động là mối quan hệ giữa khách thể và chủ thể, là phương thức tồn tại của con người trong xã hội, trong môi trường xung quanh. Hoạt động của con người bao gồm cả hành vi lẫn tâm lí, ý thức, công việc tay chân và công việc trong bộ não.

Phân tích hoạt động của con người, các nhà tâm lí học nhận thấy có 4 đặc điểm:

Hoạt động bao giờ cũng là hoạt động có đối tượng. Hoạt động bao giờ cũng nhằm vào đối tượng tạo ra sản phẩm (vật chất hoặc tinh thần). Đối tượng có hai hình thức tồn tại đó là tồn tại bên ngoài chủ thể và tồn tại bên trong tâm lí chủ thể. Tương ứng với hai hình thức của đối tượng là hai hình thức của hoạt động:

- Hình thức hoạt động bên ngoài: Ở hình thức này, chủ thể sử dụng các thao tác vật chất tác động vào đối tượng, khi đối tượng đang ở hình thức bên ngoài.
- Hình thức hoạt động bên trong là hoạt động tâm lí khi đối tượng đã chuyển hẳn vào trong đầu. Hình thức hoạt động bên trong có nguồn gốc và cấu trúc giống hoạt động bên ngoài.

Hoạt động bao giờ cũng có chủ thể, chủ thể là con người đang tiến hành hoạt động.

Hoạt động bao giờ cũng có mục đích, mục đích là mô hình về sản phẩm mà chủ thể đạt được sau khi kết thúc hoạt động.

Hoạt động được thực hiện theo cơ chế gián tiếp, trong quá trình hoạt động con người phải sử dụng công cụ.

#### *1.2.1.2. Khái niệm hành động*

Hoạt động bao giờ cũng được tiến hành bằng các hành động cụ thể và là tổ hợp các hành động. Hành động được A.N.Lêônchiép định nghĩa là quá trình bị chi phối bởi các biểu tượng về kết quả phải đạt được, nghĩa là quá trình nhằm một đối tượng được ý thức cần phải chiếm lĩnh. Khái niệm mục đích quan hệ với hành động cũng giống khái niệm động cơ quan hệ với hành động.

Mục đích của hành động là đối tượng chủ thể cần chiếm lĩnh, nó chứa đựng nội dung tâm lí và kĩ thuật hình thành, vì vậy nó có khả năng tồn tại độc lập, tồn tại trong mối quan hệ với hành động, dẫn đến hành động có tính độc lập và tính xác định cao. Trong tình huống độc lập, hành động được thực hiện

nhằm giải quyết hai câu hỏi: Đạt được cái gì và đạt được cái đó bằng cách nào, như thế nào?

Để thực hiện một hành động nào đó, ít nhất phải thoả mãn hai điều kiện: Một mặt về phía chủ thể cần ý thức được đối tượng cần chiếm lĩnh, mặt khác về phía khách quan hoạt động bị chi phối bởi 2 yếu tố là những hoàn cảnh vật chất bên ngoài (xã hội, tự nhiên) và logic kĩ thuật để hình thành đối tượng. Như vậy hành động phải thực hiện nhiệm vụ (nhiệm vụ là mục đích đề ra trong những hoàn cảnh nhất định). Muốn vậy là phải có phương thức hành động là thao tác. Thao tác là cơ cấu kĩ thuật của hành động, là phương thức triển khai của hành động [6], thao tác không phải là đơn vị tâm lí độc lập, nó không có mục đích riêng mà chỉ là phương tiện để thực hiện mục đích của hành động nào đó phù hợp với nó về logic: “Thao tác được sinh thành từ hành động, nó là kết quả của việc cải tổ hành động, do việc đưa hành động này vào hành động kia do diễn ra “kĩ thuật hoá hành động” [8, tr 594].

#### *1.2.1.3. Khái niệm hoạt động học*

Trong xã hội hiện đại, con người không chỉ học trong sách vở mà còn học trong cuộc sống, học qua các phương tiện truyền thông, học trong một “xã hội học tập”. Quan niệm của Bùi Văn Huệ về học tập có mục đích hay hoạt động học tập là hoạt động được thực hiện theo phương thức nhà trường, do người học thực hiện dưới sự hướng dẫn của thầy giáo nhằm tiếp thu tri thức, khái niệm khoa học và hình thành kĩ năng kĩ xảo tương ứng, phát triển trí tuệ và năng lực con người để giải quyết các nhiệm vụ do cuộc sống đặt ra [5,tr160].

Dựa trên lí thuyết hoạt động, các nhà tâm lí học D.B.Elicomin.V.V.ĐaVudô đã tiến hành hàng loạt thực nghiệm dạy học, hoạt động học là một loại hoạt động đặc biệt của học sinh, được hiểu một cách có ý thức vào việc thực hiện mục đích của dạy học và giáo dục đã được xem như là mục đích của cá nhân

mình” [4, tr 188]. Hay nói cách khác hoạt động học là hoạt động của học sinh do hoạt động dạy tổ chức và điều khiển nhằm tiếp thu tri thức, kỹ năng, kỹ xảo các môn học. Trên cơ sở đó, hình thành và phát triển nhân cách học sinh theo mục tiêu giáo dục của cấp học, bậc học.

Như vậy hoạt động học là hoạt động có ý thức của con người nhằm lĩnh hội tri thức, kỹ năng, kỹ xảo biến đổi bản thân chủ thể hoạt động, hoạt động học được khắc họa bởi những đặc điểm sau:

- Đối tượng của hoạt động học là tri thức khoa học, kỹ năng, kỹ xảo tương ứng.

- Hoạt động học tập là hoạt động hướng vào phát triển tâm lý của chủ thể hoạt động này, chủ thể là mỗi học sinh đang tiến hành hoạt động học. Sản phẩm của hoạt động học tập tồn tại chính trong mỗi học sinh (phẩm chất, năng lực). Do đó hoạt động học tập được thực hiện theo cơ chế lĩnh hội (nhập tâm, tiếp thu, chuyển vào trong đầu).

- Hoạt động học tập không chỉ hướng vào tiếp thu tri thức của các môn học mà còn tiếp thu tri thức về hoạt động học (tiếp thu cách học). Học sinh tiếp thu tri thức về hoạt động học là tiếp thu động cơ học, nhiệm vụ học và các hành động học.

#### *1.2.1.4. Khái niệm hành động học*

Hành động học tập là bộ phận của hoạt động học tập được thúc đẩy bởi động cơ của hoạt động học tập, tương ứng với mục đích không thể chia nhỏ hơn được nữa. Nói cách khác, hành động học là quá trình học sinh tác động trực tiếp lên đối tượng để tạo ra sản phẩm học tập theo chỉ tiêu đã được định trước. Hành động học là quá trình học sinh giải quyết nhiệm vụ học tập.

Mỗi hành động học bao gồm một hệ thống các thao tác. Thao tác vốn là một hành động học được chủ thể dùng nó để thực hiện một hành động khác. Các thao tác của một hành động học tập phải thỏa mãn các tính chất sau:

+ Tính chất tuyến tính: các thao tác được sắp xếp theo thời gian.

- + Tính chất hữu hạn: số lượng các thao tác không thừa không thiếu.
- + Tính chất xác định.
- + Tính chất hiệu quả.

Xét về hình thức tồn tại của khái niệm thì mỗi hành động học tập có 3 hình thức:

- + Hình thức vật chất: khái niệm tồn tại trên vật thật hoặc vật thay thế.
- + Hình thức lời nói và hình thức nhận tạo khác: đó là những khái niệm, tên gọi khái niệm, công thức, quy tắc.

- + Hình thức tinh thần: khái niệm tồn tại trong đầu chủ thể.

Tương ứng với 3 hình thức tồn tại khái niệm là 3 thao tác:

- + Thao tác vật chất.
- + Thao tác tinh thần.
- + Thao tác trí óc.

Việc chuyển hóa hành động học tập thành thao tác học cho học sinh phải được tiến hành trên 2 phương diện: luyện tập và rút gọn hành động học, tiếp theo phải đưa thao tác đó vào trong hành động khác.

### **1.2.2. Hoạt động học của học sinh Tiểu học**

#### *1.2.2.1. Đặc điểm hoạt động học của học sinh Tiểu học*

Hoạt động học tồn tại trong suốt quãng đời đi học của học sinh và là hoạt động chủ yếu của mọi lứa tuổi học sinh. Hoạt động học của học sinh tiểu học có một số đặc điểm sau:

- Là hoạt động xuất hiện lần đầu tiên trong đời sống của trẻ em.
- Là hoạt động được hình thành nhờ phương pháp nhà trường.
- Là hoạt động chủ đạo của học sinh tiểu học.

#### *1.2.2.2. Cấu trúc hoạt động học của học sinh Tiểu học*

Theo lý thuyết của nhà tâm lý học Đ.B Encoonhin, V.V Đavudov và một số nghiên cứu khác thì cấu trúc của hoạt động học bao gồm các thành tố: động cơ học tập – nhận thức nhiệm vụ học tập và các hành động học tập.

### *a. Động cơ học tập*

Động cơ học tập là yếu tố tâm lí thúc đẩy học sinh học tập hay nói cách khác động cơ là cái mà vì nó học sinh học. Ở học sinh có hai loại động cơ:

- Động cơ bên trong hay còn gọi là động cơ nhận thức là động cơ tạo ý. Đó là những yếu tố tâm lí thúc đẩy học sinh, những yếu tố này được nảy sinh từ chính việc học. Chính quá trình tiếp thu tri thức, kĩ năng, kĩ xảo mà kết quả là sau khi chiếm lĩnh tri thức chủ thể thỏa mãn được nhu cầu nhận thức. Động cơ này được biểu hiện ở hứng thú học tập của học sinh.

- Động cơ bên ngoài hay còn gọi là động cơ quan hệ xã hội, là động cơ không tạo ý. Đó là những yếu tố tâm lí thúc đẩy học sinh học tập, những yếu tố này nảy sinh bên ngoài quá trình học tập. Cái thôi thúc học sinh học không phải là tri thức mà là mối quan hệ xã hội của học sinh. Kết quả là sau khi chủ thể chiếm lĩnh được đối tượng của hoạt động học thì thỏa mãn được nhu cầu đó.

Cả hai loại động cơ trên đều được hình thành ở mọi học sinh. Nó không có sẵn mà được hình thành dần dần chính trong quá trình học tập của học sinh. Tuy nhiên tùy thuộc vào nội dung và phương pháp dạy học mà loại động cơ nào đó nổi trội, giữ vai trò chủ đạo ở học sinh. Tuy nhiên xét theo quan điểm sư phạm thì động cơ nhận thức có giá trị hơn. Bởi vì động cơ nhận thức tạo ra tính tự giác của học sinh trong học tập, sự say mê học tập không phụ thuộc vào tình huống. Nếu như trong từng tiết học giáo viên tổ chức được quá trình học sinh tiếp thu tri thức (hiểu bài) vận dụng được tri thức để giải bài tập, giáo viên động viên, nhận xét đánh giá kịp thời thì dần dần hình thành mối quan hệ thân thiết giữa học sinh với tri thức. Nghĩa là câu hỏi học để làm gì được trả lời qua từng tiết học thì động cơ học tập được hình thành.

Còn động cơ quan hệ xã hội phụ thuộc vào tình huống và thường xuyên xuất hiện những xung đột ở học sinh.



### *b. Nhiệm vụ học tập*

- Đối tượng của hoạt động học được cụ thể hóa thành hệ thống các nhiệm vụ học tập. Nhiệm vụ học tập là hình thức cụ thể hóa nội dung học thành mục đích và phương tiện học. Quá trình học sinh giải quyết nhiệm vụ học là quá trình các em xác lập thể thống nhất giữa mục đích và phương tiện tạo ra sản phẩm

- Mục đích học tập là hình thức cụ thể hóa đối tượng học, đối tượng học là tri thức nói chung, còn mục đích học là tri thức trong từng bài, từng tiết học. Mỗi mục đích học hình thành cho học sinh một năng lực mới. Mục đích học chỉ thực sự hình thành khi học sinh thực hiện hoạt động học.

+ Mỗi môn học bao gồm hệ thống các khái niệm, mỗi khái niệm trong từng bài, từng tiết học là mục đích học hay nói cách khác đối tượng môn học được cụ thể hóa thành hệ thống các mục đích.

+ Bản chất của hoạt động học là hướng vào phát triển tâm lí cho học sinh. Do đó, mức độ làm chủ tri thức trong từng bài, từng tiết của học sinh tạo thành mục đích học. Mục đích học không có sẵn ngay từ đầu mà được hình thành dần trong quá trình học sinh giải quyết xong nhiệm vụ học. Sự hình thành mục đích học khi học sinh giải quyết xong nhiệm vụ học tập, nội dung mục đích học tập phải là những tri thức, kĩ năng mới.

- Phương tiện học là những cái học sinh dùng để đạt được mục đích học, có 2 loại phương tiện:

+ Phương tiện bên ngoài: đồ dùng học tập (do quá trình khác làm ra).

+ Phương tiện bên trong: vốn kinh nghiệm, tri thức đã hình thành ở học sinh, loại phương tiện này do chính mỗi học sinh tạo ra. Đây là phương tiện chủ yếu trong hoạt động học.

Quá trình học tập là quá trình học sinh xác lập mối quan hệ mục đích - phương tiện để tạo ra sản phẩm mới đạt được mục đích học tập. Trong quá

trình học tập luôn có sự chuyển hóa từ mục đích thành phương tiện, đó là quy luật cơ bản của hoạt động học tập. Quá trình học là quá trình giải quyết nhiệm vụ học, mỗi nhiệm vụ học mang lại cho học sinh những cái mới và được thể hiện ở kết quả học tập, kết quả đó có thể là nắm vững tri thức mới hoặc kỹ năng mới. Để giải quyết nhiệm vụ học thì học sinh phải hiểu được nhiệm vụ học trên cơ sở phân tích nhằm phát hiện các yếu tố và mối quan hệ giữa các yếu tố trong nhiệm vụ học cũng như mối quan hệ giữa các yếu tố đó, từ đó vạch ra kế hoạch giải quyết nhiệm vụ học. Đây là giai đoạn định hướng hành động, giai đoạn này quyết định chất lượng phân thực hiện hành động. [1, tr72].

### *c. Hành động học*

Để giải quyết được nhiệm vụ học, học sinh phải thực hiện các hành động học. Hành động học bao gồm hành động phân tích, hành động mô hình hóa, hành động cụ thể hóa, hành động kiểm tra và đánh giá.

- Hành động phân tích là hành động tiên quyết trong quá trình lĩnh hội tri thức của học sinh. Đó là quá trình học sinh phân giải đối tượng thành các yếu tố và mối liên hệ giữa chúng. Mục đích của hành động phân tích là phát hiện ra nguồn gốc cấu trúc của khái niệm. Hành động phân tích được diễn ra cả 3 hình thức, công cụ chủ yếu của hành động phân tích là tri thức học sinh đã tiếp thu được. Do đó trình độ phát triển của hành động phân tích phụ thuộc vào trình độ nắm vững tri thức của học sinh.

- Hành động mô hình hóa là quá trình học sinh xác lập mối quan hệ giữa đối tượng và mô hình của nó bằng phép tương ứng hay đẳng cấu. Thông qua mô hình học sinh có thể gián tiếp nghiên cứu đối tượng. Học sinh lập mô hình phải dựa vào kết quả của phân tích.

- Hành động cụ thể hóa là quá trình học sinh vận dụng tri thức, phương pháp chung để giải bài tập, hình thành kỹ năng kỹ xảo, mục đích của hành động này là vận dụng mối quan hệ tổng quát của khái niệm vào các trường hợp cụ thể.

- Hành động kiểm tra và đánh giá: Quá trình học sinh thực hiện các hành động học nêu trên là quá trình các em tự làm ra sản phẩm này. Một mặt, thể hiện ở quá trình thực hiện các hành động học và kết quả tương ứng, mặt khác là cái đọng lại trong mỗi học sinh như năng lực mới (tri thức, kỹ năng). Vì vậy, việc kiểm tra, đánh giá và trên cơ sở đó có thể điều chỉnh kịp thời trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ học tập.

### *1.2.2.3. Sự hình thành hoạt động học*

Sự hình thành hoạt động học ở học sinh tiểu học là sự hình thành các yếu tố trong cấu trúc của hoạt động học. Để hình thành các yếu tố trên, giáo viên cần tiến hành hai loại tiết học:

- Tiết hình thành (tiết dạy bài mới): mục đích là hình thành cho học sinh tri thức mới, phương pháp mới. Giáo viên cần xác định rõ mục đích, cái mới cần hình thành cho học sinh (nhiệm vụ học) và những phương tiện mà giáo viên và học sinh sử dụng để đạt được mục đích.

- Tiết luyện tập: mục đích giúp học sinh định hình và luyện tập tri thức mới, phương pháp mới ở loại tiết trên. Giáo viên cần xác định chính xác cái mới mà học sinh đã tiếp thu ở tiết hình thành từ đó thiết kế một hệ thống bài tập cùng loại để học sinh vận dụng cái mới giải bài tập hình thành kỹ năng, kỹ xảo.

- Để thực hiện tốt 2 loại tiết trên giáo viên cần thực hiện tốt các việc sau:

+ Xác định nội dung của từng tiết học.

+ Xác định những phương tiện mà giáo viên và học sinh sử dụng trong từng tiết học.

+ Hình dung quy trình tổ chức các loại tiết trên.

- Nhờ sự tổ chức và điều khiển của giáo viên mà hoạt động học được hình thành ở học sinh giai qua 2 hai giai đoạn:

+ Giai đoạn đầu tiểu học (từ lớp 1 đến lớp 3): hoạt động học bắt đầu được hình thành.

+ Giai đoạn cuối tiểu học (từ lớp 4 đến lớp 5): học sinh sử dụng hoạt động học để tiếp thu khái niệm mới.

Hoạt động học làm thay đổi chính bản thân chủ thể của hoạt động học. Hoạt động này đưa ra sự phát triển tâm lí học sinh, đó là sự phát triển các quá trình tâm lí, hình thành các thuộc tính nhân cách của học sinh, đáng lưu ý ở cấp học này là sự phát triển trí tuệ của các em.

#### *1.2.2.4. Hành động phân tích trong hoạt động học tập của học sinh*

Hành động phân tích là hành động tiên quyết trong việc lĩnh hội tri thức, khái niệm khoa học của học sinh tiểu học. Có thể thấy rằng đây là một bước không thể thiếu, tạo cơ sở để học sinh tiếp thu tri thức. Nhờ hành động này mà học sinh phát hiện ra nguồn gốc, logic của khái niệm.

Hành động phân tích là hành động tiên quyết trong việc lĩnh hội tri thức, khái niệm khoa học của học sinh tiểu học. Hành động này như mọi hành động nói chung có thể được thực hiện trong những hình thức khác nhau của đối tượng: vật chất hay vật chất hóa trong ngôn ngữ vào trong đầu. Hoạt động vật chất (vật chất hóa) có đối tượng là vật thật hay các vật thay thế (như công thức, sơ đồ, hình vẽ) sao cho mỗi học sinh tiểu học có thể hoạt động bằng tay: viết, vẽ, đánh mũi tên, tẩy xóa... nhờ vậy học sinh phải hành động thực sự (chứ không chỉ quan sát, nghe kể) mà làm biến đổi đối tượng lĩnh hội, nhờ đó phát hiện được logic của đối tượng nghiên cứu, phát hiện ra mối quan hệ chung của hệ thống đối tượng cần khảo sát. Một hành động lại bao gồm một chuỗi các thao tác nhất định. Nó là phần lõi kĩ thuật của hành động, thao tác khác động tác ở chỗ chuẩn xác. Các nhà tâm lí học cho rằng có các loại thao tác sau:

+ Thao tác vật chất được thực hiện một cách vật chất bằng tya, bằng sức mạnh cơ bắp ở bên ngoài trí óc.

+ Thao tác tinh thần đối lập với thao tác vật chất.

+ Thao tác trí óc là thao tác tinh thần nhưng ở người không phải thao tác tinh thần nào cũng là thao tác trí óc. Thao tác trí óc đòi hỏi sự chuẩn xác cao, đòi hỏi một sự rạch ròi.

### **1.2.3. Bài tập và phân loại bài tập**

#### *1.2.3.1. Khái niệm bài tập*

Ở bất kì môn học nào ta cũng bắt gặp từ “ bài tập”. Trong môn Toán có bài tập toán, môn Tiếng Việt có bài tập tiếng việt, môn Đạo đức có bài tập Đạo đức... Điều đó chứng tỏ “ bài tập” được dùng trong phạm vi rất rộng đối với mọi hoạt động của cá nhân.

Theo từ điển Tiếng Việt thì bài tập được định nghĩa như sau: “Bài tập là bài ra cho học sinh làm để tập vận dụng những điều đã học” [9, tr27].

Trong tâm lí học, bài tập là một vấn đề mà việc giải quyết nó đòi hỏi phải có một phương pháp nào đó và đạt tới hiệu quả nhất định. Khái niệm bài tập thường được hiểu theo hướng như là một tình huống có vấn đề, trong đó chủ thể cần phải hành động. Nhà Tâm lí học người Nga A.N.Lêônchiép cho rằng: “ Bài tập là tình huống đòi hỏi chủ thể phải có hành động nào đó, là mục đích đã cho trong những điều kiện nhất định”.

Trong quá trình nghiên cứu, nhiều tác giả đã chỉ ra sự khác biệt giữa bài tập và tình huống có vấn đề. Chẳng hạn, A.M.Machiuskin và I.Ia.Lecne khẳng định điểm khác nhau chủ yếu giữa bài tập và tình huống có vấn đề là ở yêu cầu của nó. Yếu tố chưa biết trong tình huống có vấn đề bao giờ cũng có tính chất tổng quát ở một mức độ nào đó, tức là có thể chung cho một loại nhiệm vụ tương tự. Còn cái cần tìm trong bài tập thường là những quan hệ đơn nhất hay đại lượng xác định. Mối quan hệ giữa hai khái niệm này thể hiện ở chỗ tình huống có vấn đề rộng thì tính xác định thấp hơn bài tập, nó có thể tạo ra bài tập, và khi đó bài tập được gọi là bài tập có vấn đề. Một số tác giả

cho rằng điều khác nhau giữa bài tập và tình huống có vấn đề là ở chỗ trong lời văn của bài tập đã thể hiện sự phân định (tương đối rõ ràng) giữa cái đã cho, cái chưa biết và cái cần tìm.

Tóm lại, có rất nhiều quan niệm khác nhau về bài tập. Khi xem xét khái niệm này, các nhà nghiên cứu nhìn nhận ở những phương diện không giống nhau. Tuy vậy, có thể rút ra những điểm cơ bản chung nhất về bài tập như sau:

- Bài tập trước hết là một tình huống có vấn đề, có tính xác định cao, nó được hình thành từ tình huống có vấn đề trong hoàn cảnh cụ thể. Tuy nhiên, không phải mọi tình huống có vấn đề đều là bài tập.

- Cấu trúc của bài tập nói chung bao giờ cũng chứa đựng các yếu tố xác định: là một tình huống tâm lí, đòi hỏi chủ thể phải thỏa mãn nó. Trong tình huống đó chứa đựng các dữ kiện, mà dựa vào đó chủ thể có thể triển khai các thao tác nhằm tìm ra một ẩn số nhất định. Sự xuất hiện các dữ kiện, ẩn số và quan hệ giữa chúng đối với chủ thể là những yếu tố cơ bản của mọi bài tập.

#### *1.2.3.2. Phân loại bài tập*

Để phân loại bài tập, đa số các nhà nghiên cứu đều dựa trên 3 tiêu chuẩn:

1. Đặc tính của đối tượng mà bài tập đề cập đến.
2. Mối quan hệ giữa bài tập và lí thuyết.
3. Đặc tính của yêu cầu bài tập (hay mục đích của bài tập).

Xuất phát từ các tiêu chuẩn và tùy thuộc vào mục đích hướng tới, mà người ta có thể đưa ra nhiều cách phân loại bài tập khác nhau. Có tác giả chỉ dựa vào một tiêu chuẩn để phân loại (như G.PoliaP). Một số tác giả dựa vào cả tiêu chuẩn trên để phân loại bài tập (L.M.Phritman).

Chúng tôi dựa vào cách phân loại bài tập dựa trên cả 3 tiêu chuẩn, có các loại bài tập sau:

+ Bài tính là bài tập mà các dữ kiện, ẩn số và quan hệ giữa chúng được bộc lộ tường minh. Việc giải bài tập này thực chất chỉ là quá trình triển khai các thuật toán.

+ Bài tập không có lời văn là những bài tập mà hình thức giống như bài tính nhưng ở đây những thuật toán không được thể hiện một cách tường minh. Để làm lộ ra chúng, người giải cần có các phép biến đổi trung gian hoặc phân tích chúng thành các bài tính nhỏ. Đây chính là những bài tập không chuẩn.

+ Bài toán có lời văn là bài toán mà các dữ kiện, ẩn số cũng như quan hệ giữa chúng được mô tả bằng các tình huống ngôn ngữ. Việc giải nó buộc chủ thể phân tích tình huống ngôn ngữ để tìm kiếm các thuật toán trong đó.

### **1.3. Đặc điểm tâm lý của học sinh lớp 2 có liên quan đến đề tài khóa luận**

#### ***1.3.1. Đặc điểm chú ý***

+ Chú ý không có chủ định tiếp tục được phát triển. Những gì mang tính mới mẻ, bất ngờ, rục rờ, khác thường dễ dàng lôi cuốn sự chú ý của các em.

+ Chú ý có chủ định được hình thành và phát triển. Tuy nhiên ở giai đoạn này chú ý có chủ định còn non yếu, chưa bền vững, khả năng điều chỉnh chú ý một cách có ý chí chưa mạnh.

+ Chú ý của học sinh thường hướng ra bên ngoài, hướng vào hành động vật chất, chú ý hướng vào bên trong còn yếu.

+ Sự tập trung chú ý của học sinh ở tuổi này còn non yếu, thiếu bền vững. Do vậy chú ý của các em dễ bị phân tán.

#### ***1.3.2. Đặc điểm trí nhớ***

+ Trí nhớ không chủ định có trước tuổi đi học vẫn tiếp tục được phát triển.

+ Trí nhớ có chủ định được hình thành và phát triển ở học sinh. Trí nhớ trực quan - hình tượng được phát triển hơn trí nhớ từ ngữ - logic. Các em nhớ và giữ gìn chính xác những sự vật, hiện tượng cụ thể nhanh hơn và tốt hơn

những định nghĩa, những lời giải thích dài dòng. Học sinh độ tuổi này có khuynh hướng ghi nhớ máy móc bằng cách lặp đi lặp lại nhiều lần, có khi chưa hiểu những mối liên hệ, ý nghĩa của tài liệu học tập đó. Cho nên cũng dễ hiểu các em thường học thuộc lòng tài liệu học tập theo đúng câu, chữ mà không sắp xếp lại, sửa đổi, diễn đạt lại bằng lời lẽ của mình.

### ***1.3.3. Đặc điểm tri giác***

+ Tri giác của học sinh tiểu học mang tính chất đại thể, ít đi sâu vào chi tiết và mang tính không chủ định. Do đó các em phân biệt đối tượng còn chưa chính xác, dễ mắc sai lầm, có khi còn lẫn lộn. Tuy vậy, không nên nghĩ rằng học sinh ở độ tuổi này chưa có khả năng phân tích, tách các dấu hiệu, các chi tiết nhỏ của một đối tượng nào đó. Vấn đề là ở chỗ khi tri giác, sự phân tích một cách có tổ chức và sâu sắc ở học sinh độ tuổi này còn non yếu.

+ Ở độ tuổi này, tri giác của các em thường gắn với hành động, với hoạt động thực tiễn của trẻ. Tri giác sự vật nghĩa là phải làm cái gì đó với sự vật: cầm, nắm, sờ mó sự vật ấy.

+ Tình cảm, cảm xúc thể hiện rất rõ khi các em tri giác. Tri giác trước hết là những sự vật, dấu hiệu, đặc điểm nào trực tiếp gây ra cho các em những cảm xúc. Vì thế cái trực quan, cái rục rỡ, sinh động được các em tri giác tốt hơn.

### ***1.3.4. Đặc điểm tư duy***

+ Tư duy cụ thể, tư duy kinh nghiệm vẫn chiếm ưu thế, mang tính hình thức bằng cách dựa vào những đặc điểm trực quan của đối tượng và hiện tượng cụ thể.

+ Tư duy trừu tượng, tư duy khoa học bắt đầu được hình thành nhưng còn non yếu.

+ Các thao tác tư duy đã liên kết với nhau tạo thành tổng thể bằng cách thuận nghịch, nhờ đó học sinh xác định được cái không thay đổi khi biến đổi xuôi và ngược, từ đó trong tư duy có một bước tiến quan trọng là phân biệt



được định tính và định lượng, đó là điều kiện ban đầu để học sinh tiếp thu khái niệm. Tuy nhiên các thao tác tư duy liên kết với nhau chỉ từng phần, từng bộ phận, học sinh chưa thể hình dung cùng một lúc các tổ hợp nên phương pháp thử, mò mẫm vẫn chiếm vai trò chủ yếu trong quá trình tư duy. Tư duy của học sinh còn bị cái tổng thể chi phối, tư duy phân tích bắt đầu được hình thành nhưng còn non yếu dẫn đến học sinh hay nhầm lẫn khi giải toán.

- Đặc điểm khái quát hóa phần lớn học sinh thường căn cứ vào dấu hiệu bề ngoài để khái quát thành khái niệm (đây là khái niệm kinh nghiệm chứ không phải khái niệm khoa học).

- Đặc điểm phán đoán và suy luận, tư duy của học sinh độ tuổi này còn gắn liền với chuẩn thực tế kinh nghiệm các em khó chấp nhận giả thiết không thực. Khi suy luận từ nguyên nhân ra kết quả dễ hơn suy luận từ kết quả ra nguyên nhân.

- Sự phát triển tư duy ngôn ngữ không đồng đều, một số em nói nhiều nhưng thiếu nội dung, một số em không đủ ngôn ngữ để diễn đạt hiểu biết, tư duy của mình. Do đó, giáo viên không chỉ hình thành tri thức cho học sinh mà còn phải hình thành ngôn ngữ cho học sinh.

### **1.3.5. Đặc điểm tình cảm - ý chí**

*\* Đặc điểm tình cảm:*

+ Tình cảm của học sinh còn gắn liền với tính trực quan hình ảnh cụ thể. Đối tượng gây ra tình cảm ở học sinh chính là sự vật, hiện tượng cụ thể hoặc hình ảnh trực quan.

+ Học sinh tiểu học dễ xúc cảm hay xúc động khó làm chủ được xúc cảm, hành vi của mình vì quá trình hưng phấn mạnh hơn ức chế. Các phẩm chất, ý chí đặc biệt là tính chủ động đang hình thành còn non yếu.

+ Tình cảm của học sinh tiểu học chưa ổn định, chưa bền vững dễ xuất hiện tình cảm mới, chưa có tâm trạng kéo dài như người lớn. Tình bạn dễ thiết

lập nhưng dễ tan vỡ, dễ làm lạnh với nhau. Do cảm xúc đang được hình thành ở học sinh tiểu học chưa có quá trình liên liên kết, trải nghiệm nên chưa ổn định.

+ Các loại tình cảm được hình thành và phát triển mạnh.

*\* Đặc điểm ý chí:*

Ở độ tuổi này hành vi mà trẻ thực hiện còn phụ thuộc nhiều vào yêu cầu của người lớn (học để được bố cho đi ăn kem, học để được cô giáo khen, quét nhà để được ông cho tiền,...). Khi đó, sự điều chỉnh ý chí đối với việc thực thi hành vi ở các em còn yếu. Đặc biệt các em chưa đủ ý chí để thực hiện đến cùng mục đích đã đề ra nếu gặp khó khăn.

## **1.4. Khái quát về môn Đạo đức và môn Toán lớp 2**

### **1.4.1. Khái quát về môn Toán lớp 2**

#### *1.4.1.1. Mục tiêu*

Môn toán lớp 2 có mục tiêu:

- Về kiến thức:

+ Cung cấp cho học sinh những kiến thức cơ bản ban đầu về số học các số tự nhiên.

+ Nhận dạng một số hình học đơn giản.

- Về kĩ năng:

+ Hình thành các kĩ năng thực hành tính toán, đo lường, giải các bài toán có nhiều ứng dụng trong thực tế.

- Về thái độ:

+ Phát triển hứng thú học tập và giải toán của học sinh.

+ Giúp các em có thái độ tự giác tìm tòi, tập phát hiện và tự chiếm lĩnh các kiến thức.

#### *1.4.1.2. Nội dung môn Toán 2*

Nội dung xây dựng chương trình môn Toán lớp 2 gồm 4 tuyến kiến thức: số học, đại lượng và đo đại lượng, yếu tố hình học và giải bài toán. Cụ thể như sau:

❖ Số học:

- Phép cộng và phép trừ có nhớ trong phạm vi 100

• Giới thiệu tên gọi thành phần và kết quả của phép cộng (số hạng, tổng) và phép trừ (số bị trừ, số trừ, hiệu).

• Bảng cộng và bảng trừ trong phạm vi 20.

• Phép cộng và phép trừ không nhớ hoặc có nhớ trong phạm vi 100.

Tính nhẩm và tính viết.

• Tính giá trị biểu thức số có đến hai dấu phép tính cộng, trừ.

• Giải bài tập dạng: “Tìm x biết:  $a + x = b$ ,  $x - a = b$ ,  $a - x = b$  (với a, b là các số có đến 2 chữ số)” bằng sử dụng mối quan hệ giữa thành phần và kết quả của phép tính.

- Các số đến 1000. Phép cộng và phép trừ trong phạm vi 1000

• Đọc, viết, so sánh các số có 3 chữ số. Giới thiệu hàng đơn vị, hàng chục, hàng trăm.

• Phép cộng các số có đến 3 chữ số, tổng không quá 1000, không nhớ.

Tính nhẩm và tính viết.

• Phép trừ các số có đến 3 chữ số, không nhớ.

• Tính giá trị các biểu thức số có đến hai dấu phép tính cộng, trừ, không có dấu ngoặc.

- Phép nhân và phép chia

• Giới thiệu khái niệm ban đầu về phép nhân: lập phép nhân từ tổng các số hạng bằng nhau. Giới thiệu thừa số và tích.

• Giới thiệu khái niệm ban đầu về phép chia: lập phép chia từ phép nhân có một thừa số chưa biết khi biết tích và thừa số kia. Giới thiệu số bị chia, số chia, thương.

• Lập bảng nhân với 2, 3, 4, 5 có tích không quá 50.

• Lập bảng chia cho 2, 3, 4, 5 có số bị chia không quá 50.

- Nhân với 1 và chia cho 1.
- Nhân với 0. Số bị chia là 0. Không thể chia cho 0.
- Nhân, chia nhầm trong phạm vi các bảng tính. Nhân số có đến 2 chữ số với số có 1 chữ số không nhớ. Chia số có đến 2 chữ số cho số có 1 chữ số, các bước chia trong phạm vi các bảng tính.
  - Tính giá trị biểu thức số có đến 2 dấu phép tính cộng, trừ hoặc nhân, chia. Giải bài tập dạng: “Tìm x biết:  $a \times x = b$ ;  $x : a = b$  (với a là số có 1 chữ số, khác 0; b là số có 2 chữ số)”.
  - Giới thiệu các phần bằng nhau của đơn vị (dạng  $1/n$ , với n là các số tự nhiên khác 0 và không vượt quá 5).
    - ❖ Đại lượng và đo đại lượng:
      - Giới thiệu đơn vị đo độ dài đêximet, met và kilomet, milimet. Đọc, viết.
      - Các số đo độ dài theo đơn vị đo mới học. Quan hệ giữa các đơn vị đo độ dài:  $1\text{m} = 10\text{dm}$ ,  $1\text{dm} = 10\text{cm}$ ,  $1\text{m} = 100\text{cm}$ ,  $1\text{km} = 1000\text{m}$ ,  $1\text{m} = 1000\text{mm}$ .
      - Tập chuyển đổi các đơn vị đo độ dài, thực hiện phép tính với số đo độ dài (các trường hợp đơn giản). Tập đo và ước lượng độ dài.
      - Giới thiệu về lít. Đọc, viết, làm tính với các số đo theo đơn vị lít. Tập đong, đo, ước lượng theo lít.
      - Giới thiệu đơn vị đo khối lượng kilogam. Đọc, viết, làm tính với các số đo theo đơn vị kilogam. Tập cân và ước lượng theo kilogam.
      - Giới thiệu đơn vị đo thời gian: giờ, tháng. Thực hành đọc lịch (loại lịch hàng ngày), đọc giờ đúng trên đồng hồ (khi kim phút chỉ vào số 12) và đọc giờ khi kim phút chỉ vào số 3, 6. Thực hiện phép tính với các số đo theo đơn vị giờ, tháng.
      - Giới thiệu tiền Việt Nam (trong phạm vi các số học). Tập đổi tiền trong trường hợp đơn giản. Đọc, viết, làm tính với các số đo đơn vị đồng.

❖ Yếu tố hình học:

- Giới thiệu về đường thẳng. Ba điểm thẳng hàng.
- Giới thiệu đường gấp khúc. Tính độ dài đường gấp khúc.
- Giới thiệu hình tứ giác, hình chữ nhật. Vẽ hình trên giấy ô vuông.
- Giới thiệu khái niệm ban đầu về chu vi của một hình đơn giản. Tính chu vi hình tam giác, hình tứ giác.

❖ Giải bài toán:

- Giải các bài toán đơn về phép cộng và phép trừ (trong đó có bài toán về nhiều hơn hoặc ít hơn một số đơn vị), phép nhân và phép chia.

Môn Toán ở Tiểu học nói chung và môn Toán lớp 2 nói riêng là môn học thống nhất không chia thành phân môn. Chương trình của môn học này được xây dựng theo nguyên tắc đồng tâm, hợp lí các kiến thức và kĩ năng được hình thành chủ yếu bằng hoạt động thực hành và luyện tập.

#### *1.4.1.3. Chương trình Toán lớp 2 đối với sự phát triển hành động phân tích của học sinh*

Môn Toán là môn học đóng vai trò rất quan trọng trong việc phát triển tư duy cho học sinh, đặc biệt là đối với sự phát triển hành động phân tích. Nội dung chương trình Toán 2 được xây dựng theo hướng đồng tâm, mở rộng dần, có sự móc nối giữa các kiến thức cũ và mới. Theo hướng dạy học hiện nay, đối với học sinh, để tiếp thu bài mới các em buộc phải suy nghĩ, phân tích các tình huống thấy được sự vận dụng các kiến thức cũ trong bài học, tạo cơ sở để các em lĩnh hội tri thức mới.

Khi giải bài tập, học sinh phải tích cực phân tích đầu bài, xác định những yếu tố đã cho và những yếu tố cần tìm, xem xét để thấy được mối liên hệ giữa các yếu tố đó, lựa chọn công cụ (chính là các kiến thức đã có trong đầu) để giải quyết bài toán.

## ***1.4.2. Khái quát về môn Đạo đức lớp 2***

### ***1.4.2.1. Mục tiêu***

- Môn Đạo đức lớp 2 nhằm giúp học sinh hiểu biết về chuẩn mực hành vi Đạo đức và pháp luật phù hợp với lứa tuổi trong các mối quan hệ của các em với bản thân, gia đình, nhà trường, cộng đồng, môi trường tự nhiên và ý nghĩa của việc thực hiện theo các chuẩn mực.

- Từng bước hình thành kỹ năng nhận xét, đánh giá hành vi của bản thân và những người xung quanh. Kỹ năng lựa chọn và thực hiện các hành vi ứng xử phù hợp chuẩn mực trong các quan hệ và tình huống đơn giản, cụ thể của cuộc sống.

- Từng bước hình thành thái độ tự trọng, tự tin, yêu thương, tôn trọng con người; yêu cái thiện, cái đúng, cái tốt; không đồng tình với cái ác, cái sai, cái xấu.

### ***1.4.2.2. Nội dung môn Đạo đức 2***

Chương trình Đạo đức 2 bao gồm 14 chuẩn mực hành vi Đạo đức và cần thiết nhất phù hợp với lứa tuổi trong các mối quan hệ của các em với bản thân, gia đình, nhà trường, cộng đồng, môi trường tự nhiên.

- Dạy học Đạo đức là dạy hành vi ứng xử phù hợp những tình huống đơn giản cụ thể hàng ngày. Nội dung kết hợp giữa quyền giáo dục với giáo dục bổn phận của học sinh.

- Nội dung chương trình không chỉ giáo dục bổn phận, trách nhiệm của bản thân đối với gia đình, xã hội, môi trường tự nhiên mà còn giáo dục học sinh có trách nhiệm với chính bản thân mình, biết quý trọng bản thân, có trách nhiệm về hành vi và việc làm của bản thân.

Cụ thể:

❖ Quan hệ với bản thân

- Biết sống gọn gàng, ngăn nắp, đúng giờ giấc.

- Biết tự đánh giá hành vi của bản thân. Khi có lỗi, biết dừng cảm nhận lỗi và sửa lỗi.

- Có ý kiến và biết trình bày ý kiến của mình về những vấn đề có liên quan đến bản thân, tập thể.

❖ Quan hệ với gia đình

- Yêu quý những người thân trong gia đình. Biết tham gia làm những công việc nhà phù hợp với khả năng để giúp đỡ ông bà, cha mẹ.

❖ Quan hệ với nhà trường

- Chăm chỉ học tập. Đoàn kết giúp đỡ bạn bè. Biết giữ gìn vệ sinh trường lớp.

❖ Quan hệ với cộng đồng, xã hội

- Tôn trọng quy định về trật tự, vệ sinh nơi công cộng.

- Thật thà, không tham của rơi.

- Sống chan hòa. Biết cư xử chân thành, lễ độ, lịch sự với mọi người.

- Biết cảm thông với những người có hoàn cảnh khó khăn.

❖ Quan hệ với môi trường tự nhiên

- Biết yêu quý và bảo vệ loài vật có ích.

#### *1.4.2.3. Chương trình Đạo đức lớp 2 đối với sự phát triển hành động phân tích của học sinh*

Môn Đạo đức có vai trò quan trọng trong sự phát triển hành động phân tích của học sinh. Nội dung dạy học môn Đạo đức lớp 2 được tiếp cận theo hướng đi từ quyền đến trách nhiệm bốn phân của học sinh. Dạy học môn Đạo đức 2 chỉ đạt được hiệu quả khi học sinh hứng thú và tích cực, chủ động tham gia vào quá trình dạy học.

Dạy học môn Đạo đức 2 rất phong phú, đa dạng bao gồm nhiều hình thức: xử lý, phân tích tình huống; kể chuyện, đóng vai; liên hệ, tự liên hệ; điều tra thực tiễn, lập kế hoạch hành động của học sinh; quan sát, phân tích tiêu

phẩm, băng hình, múa, hát, đọc thơ, vẽ tranh, triển lãm, chơi các trò chơi có liên quan đến bài học...

Môn Đạo đức gắn bó chặt chẽ với thực tế cuộc sống của học sinh. Qua các việc thực hiện các hoạt động được tổ chức trong bài học, hành động phân tích của học sinh dần phát triển.



## **CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG HÀNH ĐỘNG PHÂN TÍCH CỦA HỌC SINH LỚP 2**

### **2.1. Thực trạng hành động phân tích qua môn Đạo đức**

Khi gặp một tình huống có vấn đề (đối với học sinh chính là các bài tập, tình huống, câu hỏi) để giải quyết vấn đề đó thì học sinh phải tiến hành phân tích bài tập, tình huống, câu hỏi để tìm cách giải quyết sao cho hợp lý nhất. Như vậy, để kiểm tra hành động phân tích của học sinh, chúng tôi căn cứ vào quá trình học sinh phân tích, trả lời các câu hỏi gợi mở. Đặc biệt để kiểm tra hành động phân tích của học sinh qua môn Đạo đức chúng tôi dựa vào quá trình xử lý tình huống, đưa ra qua điếm của bản thân về hành vi đạo đức.

#### ***2.1.1. Đặc điểm hành động phân tích của học sinh thông qua việc xử lý các tình huống đạo đức***

Đối với dạng hoạt động xử lý các tình huống hành vi đạo đức: Căn cứ vào nội dung các bài học mà học sinh đã được học trong chương trình, chúng tôi soạn ra các bài tập liên quan đến việc phân tích, xử lý và đóng vai biểu diễn rồi xử lý tình huống đó, gồm hai dạng như sau:

- Dạng bài tập 1: Phân tích, xử lý tình huống đạo đức được nêu ra.
- Dạng bài tập 2: Đóng vai theo tình huống và xử lý tình huống đó.

Trong khi tiến hành giảng dạy bài Đạo đức, chúng tôi đưa ra tình huống, yêu cầu học sinh thảo luận theo nhóm và phân tích, xử lý tình huống đó đồng thời phân vai diễn để thể hiện tình huống đó. Sau khi học sinh xử lý xong tình huống, giáo viên nhận xét, đánh giá học sinh theo thang điếm chữ ( $A^+$ , A, B), quy ra phần trăm và lập bảng.

Mỗi dạng bài tập được đánh giá theo tiêu chí:

- Mức  $A^+$ : Học sinh hiểu nội dung tình huống mà giáo viên đưa ra, xử lý nhanh nhạy và chính xác.

- Mức A: Học sinh cơ bản hiểu nội dung tình huống được nêu ra, đã biết cách xử lý song chưa nhanh.

- Mức B: Học sinh xử lý tình huống chưa chính xác.

Cụ thể như sau: Hai dạng bài tập này tiến hành sau khi cho học sinh học xong bài “Lịch sự khi nhận và gọi điện thoại” (tiết 2).

- *Dạng bài tập 1:* Để kiểm tra hành động phân tích của học sinh, chúng tôi tiến hành cho các em thảo luận để xử lý các tình huống. Cụ thể:

Đề bài yêu cầu học sinh thảo luận theo nhóm để xử lý tình huống: Em sẽ làm gì trong các tình huống sau? Vì sao?

a) Có điện thoại gọi cho mẹ nhưng mẹ vắng nhà.

b) Em đang chơi ở nhà bạn, bạn vừa ra ngoài thì chuông điện thoại reo.

Với bài tập trên, chúng tôi tiến hành kiểm tra các em học sinh của lớp 2A và học sinh của lớp 2B và thu được kết quả như sau:

**Bảng 1.** Hành động phân tích của học sinh qua việc xử lý tình huống.

| Xếp loại \ Lớp   | A <sup>+</sup> | A      | B      |
|------------------|----------------|--------|--------|
| 2A (46 học sinh) | 38,52%         | 47,23% | 14,25% |
| 2B (45 học sinh) | 36,43%         | 44,66% | 18,91% |

Kết quả điều tra cho thấy, có 38,52% học sinh lớp 2A và 36,43% học sinh lớp 2B đạt A<sup>+</sup> tức là các em hiểu nội dung tình huống, biết vận dụng nhanh nhạy kiến thức đã học cũng như thực tế cuộc sống để xử lý tình huống một cách nhanh chóng và chính xác. Có được kết quả trên là do các em nắm kiến thức bài chắc, biết được hành khi có người gọi điện thoại đến phải xử lý như thế nào. Có thể thấy việc học sinh nắm vững các kiến thức của bài đã giúp các em giải quyết các bài tập liên quan không những chính xác mà còn mạch lạc, rõ ràng. Như vậy, trình độ thực hiện hành động phân tích phụ thuộc vào trình độ nắm kiến thức của học sinh.

Có 47,23% học sinh lớp 2A và 44,66% lớp 2B đạt điểm A có nghĩa là học sinh đã hiểu yêu cầu, đã biết cách xử lí nhưng chưa nhanh nhạy, còn nhiều lúng túng.

Có 14,25% học sinh lớp 2A và 18,91% học sinh lớp 2B đạt điểm B. Các em xử lí tình huống chưa chính xác. Nguyên nhân có thể do các em chưa nắm vững kiến thức của bài hoặc không diễn đạt được theo ý hiểu của bản thân.

Có thể thấy do kinh nghiệm cuộc sống còn hạn chế cũng như chưa nắm được kiến thức của bài nên việc giải quyết tình huống còn thiếu sót, chưa chính xác.

- *Dạng bài tập 2:* Để kiểm tra hành động phân tích của học sinh, chúng tôi tiến hành cho các em đóng vai rồi xử lí theo các tình huống trong sách giáo khoa. Cụ thể:

*Đóng vai theo tình huống: Em sẽ nói như thế nào nếu em ở các tình huống sau? Vì sao?*

Tình huống 1: Bạn Nam gọi điện cho bà ngoại để hỏi thăm sức khỏe.

Tình huống 2: Một người gọi nhầm số máy nhà Nam.

Tình huống 3: Bạn Tâm định gọi điện thoại cho bạn nhưng lại bấm nhầm số máy nhà người khác.

Với dạng bài tập trên chúng tôi cũng tiến hành cho các em học sinh của 2 lớp đóng vai để xử lí tình huống và thu được kết quả như sau:

**Bảng 2.** Hành động phân tích của học sinh thông qua đóng vai để xử lí tình huống.

| Xếp loại \ Lớp   | A <sup>+</sup> | A      | B      |
|------------------|----------------|--------|--------|
| 2A (46 học sinh) | 36,32%         | 43,41% | 20,27% |
| 2B (45 học sinh) | 34,87%         | 42,34% | 22,79% |

Từ kết quả điều tra cho thấy, có 36,32% học sinh lớp 2A và 34,87% học sinh lớp 2B đạt điểm A<sup>+</sup>. Các em hiểu các tình huống và giáo viên đưa ra, xử lý tình huống một cách chính xác và khả năng diễn xuất tự nhiên, hấp dẫn. Điều đó thể hiện các em nắm kiến thức bài khá chắc, áp dụng vào thực tiễn một cách nhanh nhạy thể hiện qua khả năng diễn xuất tự nhiên của các em. Có thể thấy việc học sinh nắm vững các kiến thức của bài đã giúp các em giải quyết các bài tập liên quan không những chính xác mà còn mạch lạc, rõ ràng. Như vậy, trình độ thực hiện hành động phân tích phụ thuộc vào trình độ nắm kiến thức và mức độ xử lý tình huống của học sinh.

Có 43,41% học sinh lớp 2A và 42,34% học sinh lớp 2B đạt điểm A. Các em đa phần đã hiểu nội dung các tình huống giáo viên đưa ra nhưng cách xử lý tình huống chưa nhanh và diễn xuất chưa hấp dẫn.

Có 20,27% học sinh lớp 2A và 22,79% học sinh lớp 2B đạt điểm B. Các em diễn xuất chưa đạt, do đó xử lý tình huống chưa rõ ràng. Có thể do các em còn nhút nhát, ngại diễn trước mặt các bạn, cũng có thể do các em chưa hiểu rõ nội dung của tình huống giáo viên đưa ra.

### ***2.1.2 . Đặc điểm hành động phân tích của học sinh thông qua việc trả lời câu hỏi***

Đối với dạng hoạt động trả lời câu hỏi: Căn cứ vào nội dung các bài học mà học sinh đã được học trong chương trình, chúng tôi soạn ra các câu hỏi để học sinh trả lời về nội dung của bài học. Cụ thể như sau:

❖ *Đóng vai diễn lại kịch bản rồi trả lời các câu hỏi gợi ý.*

Khi tiến hành dạy bài “Lịch sự khi nhận và gọi điện thoại” (tiết 1).

Để kiểm tra hành động phân tích của học sinh, giáo viên nêu ra tình huống sau:

Tại nhà Ngọc, mẹ đang hướng dẫn Ngọc học bài thì chuông điện thoại reo. Mẹ Ngọc nhắc ông nghe:

*Mẹ Ngọc:* A lô! Tôi là Thùy Anh xin nghe.

*Chi:* Alô! Cháu chào bác ạ! Cháu là Chi bạn Ngọc, bác làm ơn cho cháu gặp Ngọc với ạ!

*Mẹ Ngọc:* Cháu chờ Ngọc một chút nhé.

*Ngọc:* Chào Chi, tớ Ngọc đây, có chuyện gì vậy?

*Chi:* Chào cậu, tớ muốn mượn cậu quyển sách Toán nâng cao. Nếu ngày mai cậu không cần dùng đến nó thì cho tớ mượn với.

*Ngọc:* Ngày mai tớ không dùng đến nó đâu, cậu qua lấy ngay hay để mai tớ mang đến lớp cho?

*Chi:* Ngày mai cậu mang cho tớ mượn nhé! Cảm ơn cậu nhiều. Tớ cúp máy đây, chào cậu.

*Ngọc:* Chào cậu.

Giáo viên yêu cầu học sinh diễn lại kịch bản và suy nghĩ trả lời câu hỏi sau:

- Khi gặp mẹ Ngọc, Chi đã nói như thế nào?
- Hai bạn Chi và Ngọc nói chuyện với nhau ra sao?
- Cuối cuộc điện thoại hai bạn đã nói gì?
- Kết thúc cuộc gọi hai bạn đã đặt máy như thế nào?
- Em có thích cách nói chuyện qua điện thoại của hai bạn không? Vì sao?

Với dạng bài tập trên, chúng tôi tiến hành gọi học sinh 2 lớp diễn lại kịch bản sau đó trả lời các câu hỏi và thu được kết quả như sau:

**Bảng 3.** Hành động phân tích của học sinh qua việc trả lời câu hỏi.

| Xếp loại \ Lớp   | A <sup>+</sup> | A      | B     |
|------------------|----------------|--------|-------|
| 2A (46 học sinh) | 51,32%         | 39,87% | 8,81% |
| 2B (45 học sinh) | 50,46%         | 39,34% | 10,2% |

Từ kết quả điều tra cho thấy, học sinh đạt điểm A<sup>+</sup> chiếm tỉ lệ tương đối cao. 51,32% học sinh lớp 2A và 50,46% học sinh lớp 2B. Các em hiểu tình huống, phân tích được tình huống một cách rõ ràng, chính xác vì thế các em trả lời câu hỏi chính xác tất cả các câu hỏi giáo viên đưa ra mà không cần nhiều đến sự hướng dẫn của giáo viên đồng thời khả năng diễn xuất tốt, hấp dẫn.

Có 39,87% học sinh lớp 2A và 39,34% học sinh lớp 2B đạt điểm A. Các em cũng đã hiểu nội dung tình huống, phân tích tình huống rõ ràng nhưng các em đa phần chưa giải thích được lí do vì sao lại thích cách nói chuyện điện thoại của hai bạn. Nguyên nhân có thể do khả năng diễn đạt của các em còn hạn chế, các em hiểu nhưng không biết cách trình bày ý hiểu của bản thân.

Tỉ lệ học sinh của hai lớp đạt mức điểm B tương đối ít. Có 8,81% học sinh lớp 2A và 10,2% học sinh lớp 2B đạt điểm B. Các học sinh này khả năng phân tích tình huống còn hạn chế. Các em chưa hiểu rõ nội dung tình huống nên phần lớn không trả lời được nhiều câu hỏi. Khả năng suy luận chưa được tốt, diễn xuất không tự nhiên. Nguyên nhân có thể do kinh nghiệm sống của các em còn hạn chế, các em nhút nhát, rụt rè khi đứng trước đám đông hoặc cá thể do các em không tập trung chú ý.

### ***2.1.3. Đặc điểm hành động phân tích của học sinh thông qua sự bày tỏ quan điểm của bản thân về hành vi đạo đức***

Đối với dạng bài này giáo viên phát phiếu thảo luận để học sinh ghi lại những việc nên và ko nên làm khi nhận và gọi điện thoại.

Để làm tốt bài tập này, học sinh phải căn cứ vào kiến thức đã học về cách nhận và gọi điện thoại, đồng thời các em phải liên tưởng đến thực tế cuộc sống để có thể làm tốt bài tập. Vì vậy, việc xây dựng bài tập này sẽ giúp giáo viên đánh giá được mức độ ghi nhớ và vận dụng kiến thức của học sinh.

Đối với dạng bài tập này, chúng tôi tiến hành phát phiếu cho hai lớp 2A và 2B để các em ghi lại những việc nên làm và không nên làm khi nhận và gọi điện thoại và thu được kết quả như sau:

**Bảng 4.** Hành động phân tích của học sinh qua thể hiện quan điểm của bản thân

| Xếp loại<br>Lớp  | A <sup>+</sup> | A      | B      |
|------------------|----------------|--------|--------|
| 2A (46 học sinh) | 33,12%         | 43,14% | 23,74% |
| 2B (45 học sinh) | 31,54%         | 42,38% | 26,08% |

Từ kết quả điều tra trên cho thấy, có 33,12% học sinh lớp 2A và 31,54% học sinh lớp 2B đạt điểm A<sup>+</sup>. Các em hiểu nội dung yêu cầu của giáo viên, ghi được nhiều và chính xác những điều nên và không nên khi nhận và gọi điện thoại. Điều đó thể hiện các em nắm bài tốt, khả năng phân tích, tổng hợp cao.

Có 43,14% học sinh lớp 2A và 42,38% học sinh lớp 2B đạt điểm A. Các em hiểu đề, tìm đúng nhưng tìm được không nhiều những điều nên làm và không nên làm khi nhận và gọi điện thoại.

Có 23,74% học sinh lớp 2A và 26,08% học sinh lớp 2B đạt điểm B. Các em tìm được ít và hầu như chưa được chính xác các điều nên và không nên làm khi nhận và gọi điện thoại. Nguyên nhân có thể do kiến thức các em nắm chưa chắc, không chú ý nghe giảng và chưa vận dụng thực tế.

Qua kết quả nêu trên, chúng tôi nhận thấy mức độ thực hiện hành động phân tích của học sinh hai lớp chênh lệch không đáng kể. Nhìn chung, mức độ thực hiện hành động phân tích của các em khá đầy đủ và sâu sắc. Các em đã thấy được mối liên hệ giữa kiến thức của bài học với việc giải quyết yêu cầu của bài tập, có sự vận dụng khá linh hoạt. Tuy nhiên một bộ phận các em vẫn gặp khó khăn trong thực hiện hành động phân tích. Ở một số tình huống các em giải quyết còn chưa được chính xác. Nguyên nhân của hiện tượng này là do các em chưa nắm chắc nội dung bài học cũng như vận dụng thực tế chưa

sâu sắc, cũng có thể là do trong các tiết học hình thành kiến thức mới, các em không chú ý, không tự giác tích cực hoạt động khi phân tích ngữ liệu để tự mình rút ra kết luận, hoặc chưa chú ý nghe giảng để ghi nhớ bài. Đồng thời ở những học sinh này phương pháp và kỹ năng thực hiện thao tác phân tích còn yếu, có thể do các em không thực hành nhiều, hoặc các em không có ý thức tự giác vận dụng kiến thức đã học vào luyện tập, thực hành. Mặt khác, có thể nhận thấy quá trình giảng dạy của giáo viên cũng là một nguyên nhân dẫn đến hiện tượng này. Thực tế cho thấy, giáo viên vẫn chưa chú ý đến việc phát huy tính tích cực tự giác của học sinh trong giờ học, chưa để học sinh làm việc nhiều mà còn nặng về thuyết trình, giảng giải. Bên cạnh đó, giáo viên cũng chưa thực sự sát sao trong việc bám sát trình độ của học sinh để tìm ra những lỗ hổng kiến thức của học sinh để có biện pháp bổ sung khắc phục.

## **2.2. Thực trạng hành động phân tích qua môn Toán**

### ***2.2.1. Đặc điểm hành động phân tích của học sinh trong quá trình giải toán***

Để kiểm tra đặc điểm hành động phân tích của học sinh lớp 2 ở môn Toán, chúng tôi căn cứ vào việc đánh giá các bước học sinh thực hiện để giải quyết một bài toán thuộc một dạng toán đã học, chúng tôi thiết kế một hệ thống bài tập (xem phụ lục) trong chương trình toán từ dễ đến khó và kèm theo các câu hỏi gợi ý để học sinh phân tích.

Cách tiến hành cũng giống như đối với môn Đạo đức, phát phiếu bài tập cho học sinh, quy định thời gian thực hiện, giáo viên thu lại để đánh giá lập bảng.

Chúng tôi đánh giá theo các tiêu chí sau:

- Mức khá – giỏi: Học sinh trả lời đúng các câu hỏi gợi ý và giải chính xác bài toán, trình bày sạch sẽ, rõ ràng.

- Mức trung bình: Học sinh xác định đúng dạng toán và cách làm nhưng còn thiếu sót.



- Mức dưới trung bình: Học sinh không xác định được dạng toán, giải sai bài toán.

Kết quả thu được như sau:

**Bảng 5.** Hành động phân tích của học sinh trong quá trình giải toán

| Lớp \ Kết quả | Giỏi- Khá | Trung bình | Dưới trung bình |
|---------------|-----------|------------|-----------------|
| 2A            | 32,67%    | 36,48%     | 30,85%          |
| 2B            | 31,55%    | 39,01%     | 29,44%          |

Kết quả trên cho thấy có sự phân bố tương đối đồng đều giữa ba mức đánh giá. Tỷ lệ học sinh đạt khá giỏi tương đương với tỷ lệ học sinh đạt điểm dưới trung bình, số học sinh đạt điểm trung bình có cao hơn nhưng không đáng kể. Điều này cho thấy, mức độ thực hiện hành động phân tích của các em phụ thuộc vào nhiều yếu tố.

Cụ thể như sau:

*Ví dụ:* Cho bài toán sau: Có 15 bông hoa được chia đều vào 5 bình. Hỏi mỗi bình có bao nhiêu bông hoa?

Em hãy cho biết:

- + Câu hỏi 1: Bài toán trên thuộc dạng toán nào đã học? Vì sao?
- + Câu hỏi 2: Hãy tóm tắt bài toán trên.
- + Câu hỏi 3: Trình bày các bước giải cụ thể của bài toán trên.

Có 32,67% học sinh lớp 2A và 31,55% học sinh lớp 2B đạt mức điểm khá – giỏi. Các em đã biết phân tích bài toán từ chi tiết “chia đều vào 5 bình” do vậy các em dễ dàng tìm được bài toán thuộc dạng toán về “Bảng chia 5”. Các em có các cách tóm tắt khác nhau đủ dữ kiện, thể hiện được yêu cầu của bài toán, nêu được chính xác cách làm và giải chính xác bài toán đã cho. Có được kết quả như trên là do các em nắm kiến thức bài khá chắc, đồng thời các

phương pháp kĩ năng phân tích, vận dụng, tính toán cũng khá thành thạo. Điều này cho thấy mức độ thực hiện hành động phân tích ở những học sinh này khá sâu sắc và đầy đủ.

Có 39,01% học sinh lớp 2A và 36,48% học sinh lớp 2B đạt điểm trung bình, các em hiểu đề nhưng khi giải các em lại gặp các sai sót (tính toán sai). Điều này cho thấy các em đã có sự phân tích đề bài để tìm đúng dạng toán, tuy nhiên kĩ năng tính toán và trình bày bài giải còn thiếu sót, lúng túng.

Có 30,85% học sinh lớp 2A và 29,44% học sinh lớp 2B đạt điểm dưới trung bình. Do các em không hiểu đề bài, không xác định được yếu tố trọng tâm là “chia đều vào 5 bình”. Chính vì vậy các em không biết cách tính số hoa ở mỗi bình. Nguyên nhân của dạng này là học sinh không nắm chắc dạng toán về “Bảng chia 5”, hoặc do kĩ năng phân tích dữ kiện của các em còn kém, không phân tích được yếu tố ngôn từ của bài toán, vì vậy các em gặp khó khăn trong việc đi tìm lời giải.

### ***2.2.2. Đặc điểm hành động phân tích của học sinh qua quá trình lập bài toán có lời văn***

Để kiểm tra hành động phân tích của học sinh, chúng tôi yêu cầu học sinh lập bài toán từ một số gợi ý cho trước, bao gồm các bài tập sau:

- Bài tập 1: Từ tóm tắt bằng sơ đồ, hình vẽ lập bài toán có lời văn.
- Bài tập 2: Từ bước giải đã cho lập một bài toán có lời văn.

Cách tiến hành như sau:

Giáo viên phát phiếu bài tập cho học sinh, quy định thời gian thực hiện rồi thu bài, đánh giá theo các tiêu chí sau:

- Mức khá – giỏi: Học sinh trả lời đúng các câu hỏi gợi ý và dựa vào đó đặt được đề toán chính xác.

- Mức trung bình: Trả lời đúng các câu hỏi gợi ý nhưng đặt đề toán thừa hoặc thiếu dữ kiện.

- Mức dưới trung bình: Trả lời sai các câu hỏi gợi ý, chưa đặt được đề toán đúng.

Kết quả thu được như sau:

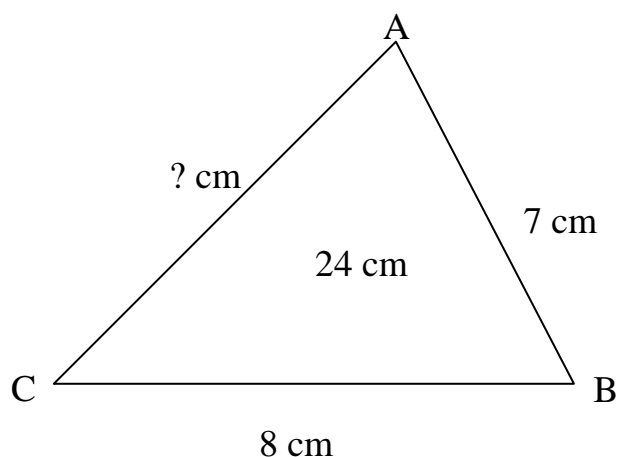
**Bảng 6.** Hành động phân tích của học sinh trong quá trình lập bài toán có lời văn

| Lớp                 | Kết quả |  | Khá – giỏi | Trung bình | Dưới trung bình |
|---------------------|---------|--|------------|------------|-----------------|
|                     | Bài tập |  |            |            |                 |
| 2A<br>(46 học sinh) | 1       |  | 55,36%     | 31,45%     | 13,19%          |
|                     | 2       |  | 40,76%     | 38,66%     | 20,58%          |
| 2B<br>(45 học sinh) | 1       |  | 53,45%     | 30,56%     | 15,99%          |
|                     | 2       |  | 32,25%     | 37,98%     | 29,77%          |

Nhìn vào bảng số liệu trên ta thấy, tỉ lệ học sinh đạt mức điểm khá giỏi ở bài tập 1 cao hơn bài tập 2. Còn tỉ lệ học sinh đạt điểm dưới trung bình ở bài tập 2 lại khá cao và cao hơn ở bài tập 1. Điều này cho thấy bài tập 2 gây nhiều khó khăn cho học sinh khi tiến hành phân tích hơn bài tập 1. Cụ thể như sau:

Đối với bài tập 1: Từ sơ đồ hình vẽ lập bài toán có lời văn.

Ví dụ: Cho hình vẽ sau:



Em hãy cho biết:

Câu hỏi 1: Hình vẽ trên là hình gì đã học?

Câu hỏi 2: 24cm là số đo của yếu tố nào của hình trên?

Câu hỏi 3: 7cm, 8cm là số đo của yếu tố nào của hình trên?

Câu hỏi 4: Cạnh nào của hình đó cần phải tìm? Vì sao?

Câu hỏi 5: Em hãy lập một đề toán từ các gợi ý trên?

Kết quả thu được khá khả quan, có 55,36% học sinh lớp 2A và 53,45% học sinh lớp 2B đạt mức điểm khá giỏi. Các em xác định được đây là hình tam giác và gọi tên được hình tam giác ABC. Các em xác định được 24cm là số đo chu vi của hình, 7cm là số đo các cạnh AB, 8cm là số đo cạnh BC và cạnh cần tìm là cạnh AC. Do phân tích đúng số liệu hình vẽ như vậy nên các em lập đề toán rất chính xác và đầy đủ các dữ kiện. Có thể thấy do yêu cầu gắn với hình ảnh trực quan nên việc thực hiện hành động phân tích đối với học sinh không mấy khó khăn. Nguyên nhân là do tư duy trực quan cụ thể của học sinh vẫn chiếm ưu thế hơn tư duy trừu tượng.

Có 31,45% học sinh lớp 2A và 30,56% học sinh lớp 2B đạt mức điểm trung bình, các em trả lời được hầu hết các câu hỏi gợi ý nhưng lại đặt đề toán thừa hoặc thiếu dữ kiện.

Tỉ lệ học sinh đạt điểm dưới trung bình ở lớp 2A là 13,19% và lớp 2B là 15,99%, các em không xác định được số đo trên hình vẽ biểu thị số đo của yếu tố nào của hình nên dẫn đến lập đề toán sai. Hầu hết các em điểm dưới trung bình đều không xác định được 24 cm là số đo diện tích của hình. Điều này cho thấy khả năng phân tích, suy luận của những học sinh này còn hạn chế. Tuy nhiên tỉ lệ này không cao so với mức học sinh đạt khá giỏi.

Đối với bài tập 2: Từ các bước giải của 1 bài toán dịch ra đề bài của 1 bài toán có lời văn.

Khác với bài tập 1, học sinh sẽ không phân tích trên hình vẽ mà sẽ phân tích trên các bước giải của bài toán. Qua bảng số liệu ta thấy dạng toán này gây nhiều khó khăn cho học sinh khi phân tích hơn, bởi vậy tỉ lệ học sinh đạt mức điểm khá giỏi không cao bằng dạng toán 1, trong khi tỉ lệ học sinh dưới điểm trung bình lại nhiều hơn.

*Ví dụ:* Cho bước giải của bài toán sau:

$$30 : 5 = 6 (...)$$

Đáp số: 6 (...)

Em hãy đặt đề toán có cách giải trên?

Kết quả cho thấy có 40,76% học sinh lớp 2A và 32,25% học sinh lớp 2B đạt mức điểm khá giỏi. Do phân tích đúng các bước giải, các em xác định được phép chia trong phép toán và hiểu được nội dung, yêu cầu của bài. Do vậy, các em lập được đề toán chính xác, đầy đủ dữ kiện. Các em lập được đề toán như:

“Lan có 30 quyển sách để thành 5 chồng. Hỏi mỗi chồng Lan để được bao nhiêu quyển sách?”

Tỉ lệ học sinh đạt điểm trung bình và dưới trung bình ở dạng toán này là khá cao (Tỉ lệ học sinh đạt điểm trung bình của lớp 2A là 38,66%, lớp 2B là 37,98% và 20,58% học sinh lớp 2A và 29,77% học sinh lớp 2B đạt điểm dưới trung bình). Nguyên nhân là các em chưa phân tích kĩ các bước giải. Điều đó cho thấy dạng toán này gây khá nhiều khó khăn cho học sinh khi thực hiện hành động phân tích.

Qua các bài khảo sát ở môn toán có thể thấy rằng mức độ thực hiện hành động phân tích của học sinh là khá đầy đủ và ở một số em hành động phân tích khá sâu sắc. Hành động phân tích bắt đầu có sự liên kết giữa các thao tác, tuy rằng sự liên kết chặt chẽ giữa các thao tác chỉ có ở một số ít học sinh. Các em cũng đã thấy được mối liên hệ giữa các kiến thức cũ trong việc giải các bài tập có liên quan.

Qua kết quả thực nghiệm phát hiện và phân tích trên đây ở hai môn Đạo đức và môn Toán, chúng tôi rút ra được một số nhận xét sau về đặc điểm hành động phân tích của học sinh lớp 2:

- Đại đa số học sinh đã thực hiện được hành động phân tích. Các thao tác của hành động phân tích đã có sự sắp xếp và liên kết với nhau. Học sinh sử dụng công cụ tri thức khá linh hoạt và đạt hiệu quả. Song ở một số học sinh do chưa nắm vững kiến thức cũ hoặc do kỹ năng, phương pháp còn yếu nên việc thực hiện hành động phân tích của các em cũng gặp nhiều lúng túng, khó khăn.

- Hành động phân tích của học sinh lớp 2 dựa vào các hình ảnh trực quan do tư duy cụ thể chiếm ưu thế hơn tư duy trừu tượng.

- Trình độ thực hiện hành động phân tích không đồng đều giữa các học sinh.

- Trong quá trình dạy học, giáo viên vẫn chưa có sự quan tâm sát sao đến trình độ của học sinh, chưa chú ý đến việc phát huy tính tự giác tích cực của học sinh trong giờ học, các em chưa được làm việc nhiều, chưa được hướng dẫn cụ thể dẫn đến hành động phân tích còn bị hạn chế.

## **CHƯƠNG 3. THỬ NGHIỆM BIỆN PHÁP NÂNG CAO HÀNH ĐỘNG PHÂN TÍCH CHO HỌC SINH LỚP 2 QUA MÔN ĐẠO ĐỨC VÀ MÔN TOÁN**

### **3.1. Mục tiêu thử nghiệm**

Khả năng thực hiện hành động phân tích của học sinh phụ thuộc vào nhiều yếu tố: Nội dung môn học, phương pháp giảng dạy của giáo viên, vốn tri thức của học sinh tích lũy được qua các bài học, mức độ thành thục về kỹ năng, phương pháp của học sinh qua các môn học.

Mục tiêu thử nghiệm của chúng tôi là nhằm thông qua phương pháp dạy học hình thành, phát triển hành động phân tích cho học sinh lớp 2.

### **3.2. Nội dung cơ bản của chương trình thử nghiệm**

Chương trình thử nghiệm được thực hiện qua 4 tiết dạy bài mới ở khối lớp 2 (2 tiết Toán và 2 tiết Đạo đức)

#### ***3.2.1. Soạn giáo án dạy thử nghiệm***

Hướng dẫn tổ chức cho học sinh thực hiện hoạt động học tập theo yêu cầu phát huy tính tự giác chủ động tích cực của học sinh. Cụ thể:

- Học sinh tự giác làm việc với tài liệu học tập, phân tích trên vật thật, vật thay thế, mô hình để phát hiện ra nguồn gốc vật chất và cấu trúc của khái niệm.

- Mọi học sinh phải tham gia tích cực vào các hoạt động mà giáo viên tổ chức.

#### ***3.2.2. Xác định các biện pháp phát triển hành động phân tích cho học sinh***

Vì trình độ thực hiện hành động phân tích của chủ thể phụ thuộc vào trình độ nắm vững tri thức đã tiếp thu được, kết hợp với sự thành thục về kỹ năng, phương pháp tiến hành các thao tác nên khi dạy học giáo viên cần xây

dụng các bài tập, câu hỏi gợi mở để học sinh phân tích, sử dụng các công cụ tri thức để giải quyết vấn đề.

Phát triển hành động phân tích cho học sinh được thực hiện thông qua môn học cụ thể:

1. Với môn Đạo đức, giáo viên có thể sử dụng kỹ thuật sau để phát triển hành động phân tích cho học sinh:

- Giúp học sinh tự phát hiện, tự giải quyết vấn đề bài học.
- Hướng dẫn học sinh dựa vào việc phân tích ngữ liệu trong bài để giải quyết vấn đề.

2. Với môn Toán

Khi hình thành kiến thức mới, giáo viên xây dựng các bài toán, hệ thống câu hỏi gợi mở để học sinh thấy được mối liên hệ giữa kiến thức cũ của bài học cũ với kiến thức mới của bài học mới. Từ đó học sinh có thể sử dụng hiệu quả công cụ tri thức cũ trong việc tiếp thu bài mới. Giáo viên cần sử dụng hợp lý và có hiệu quả các phương tiện trực quan, tổ chức cho học sinh phân tích trên vật thật làm bộc lộ nội dung đối tượng và thay dần bằng các vật thay thế: hình giống vật thật  $\Rightarrow$  mô hình  $\Rightarrow$  đặc trưng  $\Rightarrow$  mô hình kí hiệu, chuyển khái niệm tồn tại bên ngoài vào trong đầu học sinh.

- Khi thực hành luyện tập: Giáo viên phải tổ chức và hướng dẫn sao cho mỗi học sinh đều có thể tự hoàn thành các bài tập trong sách giáo khoa.

Chúng tôi đã tiến hành thực hiện các biện pháp trên qua các tiết trong quá trình dạy thử nghiệm chương trình hình thành và phát triển hành động phân tích của học sinh lớp 2.

### **3.3. Khách thể thử nghiệm và đối chứng**

Khách thể thử nghiệm và đối chứng là 46 học sinh lớp 2A và 45 học sinh lớp 2B trường Tiểu học Uy Nỗ - Đông Anh - Hà Nội. Kết quả khảo sát ở chương 2 cho thấy sự phát triển hành động phân tích của 2 lớp này có sự



chênh lệch không đáng kể. Cụ thể là lớp 2A chúng tôi thu được kết quả cao hơn một chút so với lớp 2B. Chúng tôi chọn lớp 2A là lớp thử nghiệm, lớp 2B là lớp đối chứng.

- Khách thể thử nghiệm: 46 học sinh lớp 2A trường Tiểu học Uy Nỗ - Đông Anh – Hà Nội.

-Khách thể đối chứng: 45 học sinh lớp 2B trường Tiểu học Uy Nỗ - Đông Anh – Hà Nội.

### 3.4. Kết quả nghiên cứu

#### 3.4.1. Đặc điểm hành động phân tích ở lớp thử nghiệm và lớp đối chứng ở môn Đạo đức

Để điều tra đặc điểm hành động phân tích của học sinh lớp thử nghiệm và lớp đối chứng, chúng tôi tiến hành như sau:

Chúng tôi đã soạn thảo giáo án và giảng dạy 2 tiết Đạo đức, đó là bài “Lịch sự khi nhận và gọi điện thoại (Tiết 1)” và bài “Lịch sự khi nhận và gọi điện thoại (Tiết 2)”. Sau mỗi bài chúng tôi yêu cầu học sinh đóng vai xử lý tình huống đạo đức và trình bày quan điểm của bản thân về những việc nên và không nên làm về đối với mỗi hành vi đạo đức. Đồng thời chúng tôi kiểm tra như vậy ở lớp đối chứng. Giáo viên quan sát, nhận xét và đánh giá theo mức điểm A<sup>+</sup>, A, B, xử lý điểm ra % và lập bảng so sánh.

**Bảng 7.** Hành động phân tích của học sinh ở môn Đạo đức

| Kết quả \ Mẫu  | Dạng bài tập 1 |               | Dạng bài tập 2 |               |
|----------------|----------------|---------------|----------------|---------------|
|                | Lớp thử nghiệm | Lớp đối chứng | Lớp thử nghiệm | Lớp đối chứng |
| A <sup>+</sup> | 36,32%         | 34,87%        | 33,12%         | 31,54%        |
| A              | 43,41%         | 42,34%        | 43,14%         | 42,38%        |
| B              | 20,27%         | 22,79%        | 23,74%         | 26,08%        |

Dạng bài tập 1: Đóng vai xử lí tình huống.

Dạng bài tập 2: Trình bày quan điểm của bản thân.

Trong quá trình dạy thử nghiệm, chúng tôi đã tiến hành sử dụng các phương pháp dạy học tích cực, chủ động đưa ra các câu hỏi tìm hiểu bài (ngoài các câu hỏi trong sách giáo khoa) xây dựng phân phân tích ngữ liệu thành các câu hỏi gợi mở để học sinh phân tích, khai thác, tìm hiểu sâu, tự rút ra được các kết luận cần thiết. Kết quả thu được sau khi dạy thử nghiệm là khá khả quan. Ở cả hai dạng bài tập số học sinh đạt A<sup>+</sup> có khả năng đóng vai xử lí tình huống và nêu được quan điểm của bản thân về những việc nên hay không nên làm hành vi đạo đức chính xác hay ưu thế đều thuộc về lớp thử nghiệm.

Đối với dạng bài tập 1, có 36,32% học sinh lớp thử nghiệm đạt điểm A<sup>+</sup>, 43,41% đạt điểm A trong khi ở lớp đối chứng chỉ có 34,87% học sinh đạt điểm A<sup>+</sup>, và 20,27% học sinh đạt điểm A. Ở dạng bài tập 2 cũng tương tự như vậy: Tỷ lệ học sinh đạt điểm A<sup>+</sup> ở lớp thử nghiệm là 33,12% và lớp đối chứng là 31,54%. Số lượng học sinh đạt điểm A ở lớp thử nghiệm là 43,14% trong khi đó lớp đối chứng là 42,38%. Số lượng học sinh đạt điểm B ở lớp thử nghiệm ít hơn ở lớp đối chứng. Cụ thể là:

Dạng bài tập 1: Tỷ lệ học sinh ở lớp thử nghiệm đạt điểm B là 20,27% còn ở lớp đối chứng là 22,79%.

Dạng bài tập 2: Tỷ lệ học sinh ở lớp thử nghiệm đạt điểm B là 23,74% còn ở lớp đối chứng là 26,08%.

Kết quả này khẳng định:

Sự phát triển hành động phân tích của học sinh ở môn Đạo đức phụ thuộc rất nhiều ở vốn tri thức mà các em tích lũy được sau mỗi tiết học cũng như vốn kinh nghiệm thực tiễn, đồng thời còn phụ thuộc vào kĩ năng phương pháp học sinh vận dụng vốn tri thức vào tình huống khác nhau. Chính vì vậy, khi tổ chức dạy học, giáo viên phải linh hoạt sử dụng các phương pháp

để học sinh tiếp thu tri thức, gợi mở để các em có điều kiện tự phân tích và phân tích đúng hướng, tự rút ra cho mình sự khái quát chung dựa vào các trường hợp cụ thể.

### ***3.4.2. Đặc điểm hành động phân tích ở lớp thử nghiệm và lớp đối chứng ở môn Toán***

Để điều tra hành động phân tích của hai lớp thử nghiệm và đối chứng ở môn Toán chúng tôi tiến hành như sau:

Soạn giáo án và dạy hai tiết trong chương trình Toán 2 là bài: “Chu vi hình tam giác – Chu vi hình tứ giác” và bài “Bảng chia 5”. Trong tiết học này, chúng tôi sử dụng các phương pháp dạy học tích cực, tổ chức cho học sinh làm việc trên vật thật, vật thay thế, sau đó thay dần bằng mô hình kí hiệu, học sinh chủ động rút ra những ghi nhớ của bài học, đồng thời kết hợp với phương pháp gợi mở, vấn đáp để học sinh tự khắc sâu kiến thức. Sau bài học, chúng tôi tiến hành phát phiếu bài tập cho học sinh làm theo các dạng sau:

Dạng 1: Giải bài toán (cách xây dựng như bài tập dạng 1 trong chương trình khảo sát)

(Đối với bài: “Bảng chia 5”)

Dạng 2: Từ gợi ý là hình vẽ, học sinh xây dựng bài toán có lời văn (cách xây dựng như bài tập dạng 2 trong chương trình khảo sát)

(Đối với bài: “Chu vi hình tam giác – Chu vi hình tứ giác”)

Tiêu chí đánh giá:

Dạng 1:

+ Mức khá giỏi: Học sinh phân tích sâu bài toán, giải đúng chính xác, đạt yêu cầu.

+ Mức trung bình: Học sinh chưa khai thác phân tích sâu bài toán, bài giải còn thiếu sót.

+ Mức dưới trung bình: Học sinh giải sai hoặc chưa giải được bài toán.

Dạng 2:

+ Mức khá giỏi: Đề toán đủ dữ kiện theo bước giải.

+ Mức trung bình: Đề toán không đủ dữ kiện theo bước giải.

+ Mức dưới trung bình: Chưa sáng tác được đề toán.

Kết quả thu được như sau:

**Bảng 8.** Hành động phân tích của học sinh ở môn Toán.

| Kết quả \ Mẫu   | Dạng bài tập 1 |        | Dạng bài tập 2 |        |
|-----------------|----------------|--------|----------------|--------|
|                 | Lớp 2A         | Lớp 2B | Lớp 2A         | Lớp 2B |
| Mức khá giỏi    | 32,67%         | 31,55% | 55,36%         | 53,45% |
| Trung bình      | 36,48%         | 39,01% | 31,45%         | 30,56% |
| Dưới trung bình | 30,85%         | 29,44% | 13,19%         | 15,99% |

Kết quả điều tra giúp chúng tôi so sánh được trình độ thực hiện hành động phân tích của học sinh lớp thử nghiệm và lớp đối chứng. Những học sinh có hành động phát triển phân tích tốt là những học sinh phân tích sâu bài toán, trình bày đúng các bước giải chính xác, đồng thời đặt được bài toán đầy đủ dữ kiện theo bước giải. Tỷ lệ học sinh đạt mức khá giỏi ở lớp thử nghiệm cao hơn so với lớp đối chứng. Cụ thể là đối với dạng toán 1: Tỷ lệ khá giỏi lớp thử nghiệm 2A là 32,67%, lớp đối chứng 2B là 31,55%, dạng toán 2: Tỷ lệ khá giỏi lớp thử nghiệm 2A là 55,36%, lớp đối chứng 2B là 53,45%. Số lượng học sinh đạt mức điểm trung bình, dưới trung bình ở lớp thử nghiệm thấp hơn lớp đối chứng. Cụ thể là: Dạng toán 1, tỷ lệ học sinh đạt điểm trung bình ở lớp thử nghiệm là 36,48%, điểm dưới trung bình là 30,85%. Trong khi đó ở lớp đối chứng tỷ lệ đó là 39,01% và 29,44%.

Ở dạng toán 2, kết quả cũng tương tự, mức điểm trung bình ở lớp 2A là 31,45%, dưới trung bình là 13,19% trong khi đó ở lớp 2B là 30,56% và 15,99%.

Có được kết quả như trên ở lớp thử nghiệm là do trong quá trình dạy học chúng tôi đã hết sức chú ý sử dụng phương pháp dạy học tích cực, lấy học sinh làm trung tâm. Trong mỗi tiết toán, chúng tôi đều tạo cơ hội để học sinh chủ động lĩnh hội kiến thức mới và vận dụng kiến thức đó vào giải bài tập. Nhờ vậy, sau mỗi tiết học, học sinh nắm kiến thức khá vững vàng và các kỹ năng thực hành của các em cũng được rèn luyện.

Như vậy, với số liệu điều tra trên, chúng ta có thêm cơ sở để khẳng định: Phương pháp dạy học tích cực phát huy tính chủ động tự giác của học sinh có ý nghĩa quan trọng trong việc phát triển hành động phân tích của học sinh tiểu học nói chung và của lớp 2 nói riêng.

Tóm lại, kết quả thử nghiệm cho phép rút ra một số nhận xét sau:

- Chương trình thử nghiệm đã có tác dụng tích cực đến việc hình thành phát triển hành động phân tích cho học sinh lớp 2, trong đó đặc biệt chú ý đến môn Toán và môn Đạo đức.

- Việc nâng cao mức độ thực hiện hành động phân tích đã góp phần nâng cao kết quả học tập cho học sinh.

# KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

## 1. Kết luận

Từ kết quả nghiên cứu hành động phân tích qua môn Đạo đức và môn Toán, chúng tôi rút ra một số đặc điểm về hành động phân tích của học sinh lớp 2 mà chúng tôi khảo sát:

**1.1.** Hành động phân tích đã được hình thành và phát triển ở học sinh lớp 2. Học sinh đã biết thực hiện các thao tác, vận dụng các khái niệm để thực hiện hành động phân tích trong quá trình tiếp thu tri thức mới của môn Đạo đức và môn Toán. Tuy nhiên số học sinh đạt được đặc điểm này chưa cao.

**1.2.** Học sinh thực hiện hành động phân tích phải dựa vào hình ảnh trực quan. Các em rất khó khăn khi thực hiện hành động phân tích dựa vào các quy ước, ngôn ngữ. Hành động phân tích có gắn với hình ảnh trực quan được các em thực hiện dễ dàng hơn hành động phân tích dựa hoàn toàn vào các quy ước, ngôn ngữ.

**1.3.** Có sự khác biệt về kết quả thực hiện hành động phân tích ở môn Đạo đức và môn Toán. Học sinh thực hiện hành động phân tích ở môn Toán có kết quả cao hơn môn Đạo đức. Số lần gợi ý khi học sinh thực hiện hành động phân tích ở môn Toán ít hơn số lần gợi ý khi học sinh thực hiện hành động phân tích ở môn Đạo đức.

**1.4.** Một số học sinh thực hiện hành động phân tích một cách mò mẫm, không có căn cứ và dựa vào cảm tính.

### **1.5.** Nguyên nhân của thực trạng trên

Nhìn chung, giáo viên chưa chủ động hình thành hành động phân tích cho học sinh khi học bài mới, chưa thực sự phát huy được tính chủ động, tự giác, tích cực của học sinh trong giờ học, đồng thời chưa có sự quan tâm sát sao tới trình độ từng học sinh trong giờ học để có những biện pháp phát huy, khắc phục những thiếu sót.

Học sinh nắm chưa vững kiến thức cũ, các kĩ năng, phương pháp thực hành còn yếu.

**1.6.** Mặc dù số tiết dạy thử nghiệm còn chưa nhiều nhưng bằng kết quả thu được đã chứng minh được giả thuyết, đạt mục tiêu đề ra.

## **2. Một số kiến nghị**

Trong giờ dạy học ở Tiểu học, giáo viên cần sử dụng những phương pháp, hình thức tổ chức dạy học phát huy được tính tự giác, tích cực của học sinh, tạo điều kiện để học sinh được thực hành nhiều, từ đó sẽ chủ động trong việc lĩnh hội và vận dụng kiến thức.

Khi hình thành kiến thức mới cho học sinh (đặc biệt ở môn Toán và môn Đạo đức) giáo viên nên xây dựng những câu hỏi gợi mở, hướng dẫn để học sinh phân tích sâu ngữ liệu hoặc trực tiếp phân tích trên vật thật, vật thay thế. Từ đó học sinh tự mình rút ra những kết luận, khắc sâu ghi nhớ bài học.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phạm Minh Hạc (1998), *Tâm lí học, tập 2*, Nxb Giáo dục.
2. Đỗ Đình Hoan (chủ biên), 2008, *Toán 3*, Nxb Giáo dục.
3. Bùi Văn Huệ (1997), *Giáo trình tâm lí học Tiểu học*, Nxb Giáo dục.
4. Bùi Văn Huệ, Phạm Thị Thanh Mai, Nguyễn Xuân Thức (2008), *Giáo trình tâm lí học Tiểu học*, Nxb Đại học Sư phạm.
5. *Luật giáo dục* (2005), Nxb Chính trị quốc gia Hà Nội.
6. Phạm Trọng Ngọ (chủ biên), 2003, *Các lí thuyết phát triển tâm lí người*, Nxb Đại học Sư phạm.
7. Vũ Thị Nho (1999), *Tâm lí học phát triển*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
8. Trần Trọng Thủy (chủ biên), 1998, *Tâm lí học*, (Giáo trình đào tạo giáo viên Tiểu học hệ CĐSP và SP 12 + 2), Nxb Giáo dục.
9. Lưu Thu Thủy (chủ biên), 2008, *Đạo đức 2*, Nxb Giáo dục.
10. Nguyễn Quang Uẩn (chủ biên), 2005, *Tâm lí học* (Tài liệu đào tạo giáo viên có trình độ cao đẳng và Đại học Sư phạm), Nxb Giáo dục.



## PHỤ LỤC 1

**Các bài tập khảo sát đặc điểm hành động phân tích của học sinh lớp 2**

### 1. Môn Đạo đức

**Bài tập 1:** Thảo luận theo nhóm đôi : Em sẽ làm gì trong các tình huống sau?  
Vì sao?

a) Có điện thoại gọi cho mẹ nhưng mẹ vắng nhà.

b) Em đang chơi ở nhà bạn, bạn vừa ra ngoài thì chuông điện thoại reo.  
Bạn không? Vì sao?

**Bài tập 2:** Đóng vai theo tình huống: *Đóng vai theo tình huống: Em sẽ nói như thế nào nếu em ở các tình huống sau? Vì sao?*

Tình huống 1: Bạn Nam gọi điện cho bà ngoại để hỏi thăm sức khỏe.

Tình huống 2: Một người gọi nhầm số máy nhà Nam.

Tình huống 3: Bạn Tâm định gọi điện thoại cho bạn nhưng lại bấm nhầm số máy nhà người khác.

**Bài tập 3:** Cho tình huống sau:

Tại nhà Ngọc, mẹ đang hướng dẫn Ngọc học bài thì chuông điện thoại reo. Mẹ Ngọc nhắc ông nghe:

*Mẹ Ngọc:* A lô! Tôi là Thùy Anh xin nghe.

*Chi:* Alô! Cháu chào bác ạ! Cháu là Chi bạn Ngọc, bác làm ơn cho cháu gặp Ngọc với ạ!

*Mẹ Ngọc:* Cháu chờ Ngọc một chút nhé.

*Ngọc:* Chào Chi, tớ Ngọc đây, có chuyện gì vậy?

*Chi:* Chào cậu, tớ muốn mượn cậu quyển sách Toán nâng cao. Nếu ngày mai cậu không cần dùng đến nó thì cho tớ mượn với.

*Ngọc:* Ngày mai tớ không dùng đến nó đâu, cậu qua lấy ngay hay để mai tớ mang đến lớp cho?

*Chi*: Ngày mai cậu mang cho tớ mượn nhé! Cảm ơn cậu nhiều. Tớ cúp máy đây, chào cậu.

*Ngọc*: Chào cậu.

Giáo viên yêu cầu học sinh diễn lại kịch bản và suy nghĩ trả lời câu hỏi sau:

- Khi gặp mẹ Ngọc, Chi đã nói như thế nào?
- Hai bạn Chi và Ngọc nói chuyện với nhau ra sao?
- Cuối cuộc điện thoại hai bạn đã nói gì?
- Kết thúc cuộc gọi hai bạn đã đặt máy như thế nào?
- Em có thích cách nói chuyện qua điện thoại của hai bạn không? Vì sao?

**Bài tập 4:** Em hãy ghi lại những việc nên và ko nên làm khi nhận và gọi điện thoại.

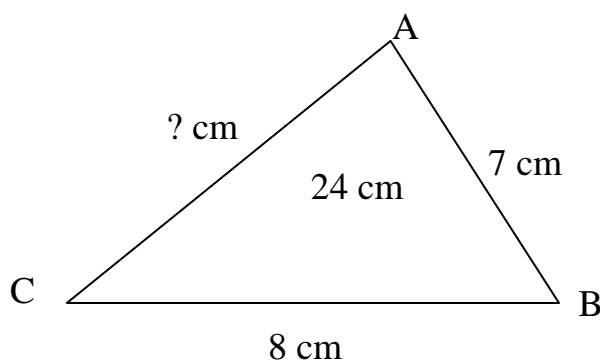
## 2. Môn Toán

**Bài tập 1:** Cho bài toán sau: Có 15 bông hoa được chia đều vào 5 bình. Hỏi mỗi bình có bao nhiêu bông hoa?

Em hãy cho biết:

- + Câu hỏi 1: Bài toán trên thuộc dạng toán nào đã học? Vì sao?
- + Câu hỏi 2: Hãy tóm tắt bài toán trên.
- + Câu hỏi 3: Trình bày các bước giải cụ thể của bài toán trên.

**Bài tập 2:** Cho hình vẽ sau:



Em hãy cho biết:

Câu hỏi 1: Hình vẽ trên là hình gì đã học?

Câu hỏi 2: 24cm là số đo của yếu tố nào của hình trên?

Câu hỏi 3: 7cm, 8cm là số đo của yếu tố nào của hình trên?

Câu hỏi 4: Cạnh nào của hình đó cần phải tìm? Vì sao?

Câu hỏi 5: Em hãy lập một đề toán từ các gợi ý trên?

**Bài tập 3:** Cho bước giải của bài toán sau:

$$30 : 5 = 6 (\dots)$$

Đáp số: 6 (...)

Em hãy đặt đề toán có cách giải trên?

## PHỤ LỤC 2

**Các bài tập đo đạc điểm hành động phân tích của học sinh lớp 2 sau khi thử nghiệm**

### 1. Môn Toán

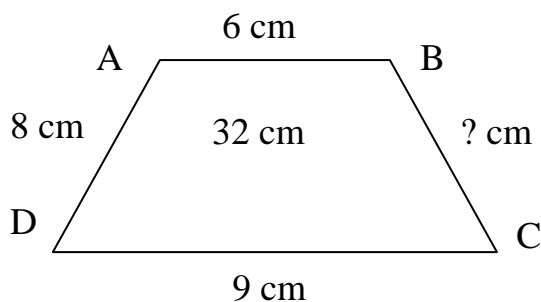
**Bài tập 1:** Cho bài toán sau:

Lớp 2B có 45 học sinh xếp thành 5 hàng đều nhau. Hỏi mỗi hàng có tất cả bao nhiêu học sinh?

Em hãy cho biết:

- + Câu hỏi 1: Bài toán trên thuộc dạng toán nào đã học? Vì sao?
- + Câu hỏi 2: Hãy tóm tắt bài toán trên.
- + Câu hỏi 3: Trình bày các bước giải cụ thể của bài toán trên.

**Bài tập 2:** Cho hình vẽ sau:



Em hãy cho biết:

- Câu hỏi 1: Hình vẽ trên là hình gì đã học?
- Câu hỏi 2: 32cm là số đo của yếu tố nào của hình trên?
- Câu hỏi 3: 6cm, 8cm, 9cm là số đo của yếu tố nào của hình trên?
- Câu hỏi 4: Cạnh nào của hình đó cần phải tìm? Vì sao?
- Câu hỏi 5: Em hãy lập một đề toán từ các gợi ý trên?

### 2. Môn Đạo đức

**Bài tập 1:** Thảo luận nhóm đôi: Em sẽ làm gì nếu em là các bạn trong các tình huống sau? Vì sao?

*Tình huống 1:* Em sang nhà bạn chơi và thấy nhà bạn có bộ đồ chơi điện tử mà em rất thích.

*Tình huống 2:* Em sang nhà bạn chơi mới biết bà của bạn đang ốm.

*Tình huống 3:* Em đang chơi với bạn thì đến giờ nhà bạn ăn cơm.

*Tình huống 4:* Em đang chơi ở nhà bạn thì đến giờ có phim hoạt hình. Em rất thích xem nhưng khi đó nhà bạn lại không mở ti vi.

**Bài tập 2:** Em hãy đọc kĩ câu chuyện “ Bạn đến chơi nhà” kết hợp quan sát bức tranh minh họa trong sách giáo khoa, thảo luận theo nhóm 4 và trả lời các câu hỏi sau:

- Khi đến nhà Dũng, Toàn đã làm gì?
- Trước việc làm của Dũng, mẹ Toàn có thái độ như thế nào?
- Mẹ Toàn đã nhắc nhở Dũng điều gì?
- Sau khi được nhắc nhở, bạn Dũng đã có thái độ, cử chỉ như thế nào?
- Trước cử chỉ và hành vi của Dũng, mẹ Toàn có thái độ gì?
- Qua câu chuyện trên, em rút ra bài học gì?

**Bài tập 3:** Em hãy ghi những việc nên làm và không nên làm khi đến chơi nhà người khác.

# PHỤ LỤC 3

## GIÁO ÁN

**Môn: Toán**

**Tên bài: Chu vi hình tam giác – hình tứ giác**

**Người soạn: Bùi Thị Hằng**

### **I. Mục tiêu:**

**1. Kiến thức:**

- Bước đầu nhận biết về chu vi hình tam giác và chu vi hình tứ giác.

**2. Kỹ năng:**

- Biết cách tính chu vi hình tam giác và chu vi hình tứ giác.

**3. Thái độ:**

- Yêu thích môn học, có thái độ tích cực trong học tập.

### **II. Đồ dùng dạy học:**

- Thước đo độ dài.

- Bảng phụ ghi sẵn các bài tập trong sách giáo khoa.

### **III. Các hoạt động dạy và học:**

| <b>Hoạt động của giáo viên</b>  | <b>Hoạt động của học sinh</b>                         |
|---|---|
| <p><b>1. Ôn định tổ chức: (1').</b></p> <p>- Cho học sinh hát đầu giờ hoặc chuyển tiết.</p> <p>- Kiểm tra sĩ số lớp.</p>  | <p>- Hát chuyển tiết.</p> <p>- Báo cáo sĩ số lớp.</p> |
| <p><b>2. Kiểm tra bài cũ: (5').</b></p> <p>- Gọi học sinh lên bảng làm bài tập về nhà.</p> <p><math>x : 4 = 5</math>   <math>x : 3 = 3</math></p> <p><math>x = 5 \times 4</math>                      <math>x = 3 \times 3</math></p> | <p>- Lên bảng làm bài tập về nhà.</p>                 |

|  |  |
|--|--|
| <p><math>x = 20</math>                      <math>x = 9</math>.</p> <p>- Kiểm tra vở của học sinh.</p> <p>- Nhận xét, sửa sai và ghi điểm.</p> <p><b>3. Bài mới: (28').</b></p> <p>a. Giới thiệu bài.</p> <p>- Ghi đầu bài lên bảng.</p> <p>- Gọi học sinh nhắc lại đầu bài.</p> <p>b. Nội dung bài mới.</p> <p>- Dưa hình và giới thiệu về cạnh và chu vi hình tam giác, chu vi hình tứ giác.</p> <p><u>①. Chu vi hình tam giác.</u></p> <p>(?) Hình tam giác có mấy cạnh?</p> <p>(?) Đó là những cạnh nào?</p> <p>- Yêu cầu học sinh quan sát hình vẽ trong SGK và nêu độ dài của mỗi cạnh.</p> <p>- Yêu cầu học sinh tính tổng độ dài của các cạnh.</p> <p>=&gt; <b>Nêu:</b> Chu vi của hình tam giác chính là tổng độ dài các cạnh của tam giác đó.</p> <p><u>②. Chu vi hình tứ giác.</u></p> <p>- Yêu cầu học sinh quan sát hình tứ giác.</p> <p>(?) Hình tứ giác có mấy cạnh?</p> <p>(?) Nêu độ dài của các cạnh đó?</p> | <p>- Nhận xét, sửa sai.</p> <p>- Lắng nghe, ghi đầu bài vào vở.</p> <p>- Nhắc lại đầu bài.</p> <p>- Quan sát hình tam giác ABC.</p> <p><u>①. Chu vi hình tam giác.</u></p> <p>=&gt; Hình tam giác có 3 cạnh.</p> <p>- Nêu tên các cạnh của hình tam giác.</p> <p>- Quan sát và nêu độ dài của các cạnh.<br/> <math>AB = 3 \text{ cm}; BC = 5 \text{ cm}; CA = 4 \text{ cm}.</math></p> <p>- Tính: <math>3 \text{ cm} + 5 \text{ cm} + 4 \text{ cm} = 12 \text{ cm}.</math></p> <p>- Lắng nghe và ghi nhớ.</p> <p><u>②. Chu vi hình tứ giác.</u></p> <p>- Quan sát hình tứ giác.</p> <p>- Hình tứ giác có 4 cạnh.</p> <p>- Độ dài các cạnh là: <math>DE = 3 \text{ cm}; EG =</math></p> |
|--|--|

|   |  |
|---|--|
| <p>- Yêu cầu học sinh tự tính tổng độ dài của các cạnh.</p> <p>(?) Muốn tính chu vi hình tứ giác, ta làm như thế nào?</p> <p>=&gt; <b>Kết luận:</b> Muốn tính chu vi của hình tam giác, hình tứ giác ta tính tổng độ dài của các cạnh hình tam giác, hình tứ giác đó.</p> <p>c. Thực hành.</p> <p><b>*Bài tập 1.</b></p> <p>- Gọi học sinh nêu yêu cầu bài tập, hướng dẫn học sinh làm bài.</p> <p>- Gọi học sinh lên bảng làm bài.</p> | <p>2cm; HG = 4cm; HD = 6cm</p> <p>- Tính tổng độ dài các cạnh.</p> <p>- Tính: <math>3\text{cm} + 2\text{cm} + 4\text{cm} + 6\text{cm} = 15\text{cm}.</math></p> <p>=&gt; Muốn tính chu vi hình tứ giác, ta tính tổng độ dài của các cạnh.</p> <p>- Lắng nghe và nhắc lại.</p> <p>- Nêu yêu cầu bài tập.</p> <p>- Lên bảng làm bài, lớp làm bài vào vở.</p> <p><b>Bài giải</b></p> <p>a/ Chu vi hình tam giác là:<br/> <math>7 + 10 + 13 = 30 \text{ (cm)}</math><br/> Đáp số: 30cm.</p> <p>b/ Chu vi hình tam giác là:<br/> <math>20 + 30 + 40 = 90 \text{ (dm)}</math><br/> Đáp số: 90dm.</p> <p>c/ Chu vi hình tam giác là:<br/> <math>8 + 12 + 7 = 27 \text{ (cm)}</math><br/> Đáp số: 27cm.</p> <p>- Nhận xét, sửa sai (nếu có).</p> |
|---|--|





**Môn: Đạo đức**

**Tên bài: Lịch sự khi nhận và gọi điện thoại (Tiết 1)**

**Người soạn: Bùi Thị Hằng**

## **I. MỤC TIÊU:**

### **1. Kiến thức:**

- Chúng ta cần lịch sự khi nhận và gọi điện thoại để thể hiện sự tôn trọng người khác và tôn trọng chính bản thân mình.

- Lịch sự khi nhận và gọi điện thoại có nghĩa là nói năng rõ ràng, từ tốn, lễ phép, nhắc và đặt máy nghe nhẹ nhàng.

### **2. Thái độ:**

- Tôn trọng, từ tốn khi nói chuyện điện thoại
- Đồng tình ủng hộ với các bạn biết lịch sự khi nhận và gọi điện thoại
- Phê bình, nhắc nhở những bạn không biết lịch sự khi nhận và gọi điện thoại.

### **3. Kỹ năng:**

- Biết nhận xét đánh giá hành vi đúng hoặc sai khi nhận và gọi điện thoại.
- Thực hiện nhận và gọi điện thoại lịch sự.

## **II. CHUẨN BỊ:**

- Tiểu phẩm: Điện thoại. Đạo cụ chuẩn bị cho tiểu phẩm.
- Bộ đồ chơi điện thoại hoặc điện thoại thật loại để bàn.
- Phiếu thảo luận nhóm của hoạt động 2.

## **III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**



**Chi:** Chào cậu, tớ muốn mượn cậu quyển sách Toán nâng cao. Nếu ngày mai cậu không cần dùng đến nó thì cho tớ mượn với.

**Ngọc:** Ngày mai tớ không dùng đến nó đâu, cậu qua lấy ngay hay để mai tớ mang đến lớp cho?

**Chi:** Ngày mai cậu mang cho tớ mượn nhé: Cảm ơn cậu nhiều. Tớ cúp máy đây, chào cậu.

**Ngọc:** Chào cậu.

|  |  |
|--|--|
| <p><u>Bước 2:</u> Hướng dẫn HS nhận xét về đoạn hội thoại qua điện thoại vừa xem:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Khi gặp mẹ Ngọc, bạn Chi đã nói như thế nào?</li><li>- Hai bạn Ngọc và Chi nói chuyện với nhau ra sao?</li><li>- Cuối cuộc điện thoại hai bạn đã nói gì?</li><li>- Kết thúc cuộc gọi hai bạn đã đặt máy như thế nào?</li><li>- Em có thích cách nói chuyện qua điện thoại</li></ul> <p>* <b>Kết luận:</b> Khi nhận và gọi điện thoại em cần có thái độ lịch sự, nói năng rõ ràng, từ tốn.</p> <p><b>3. Hoạt động 2: Thảo luận nhóm:</b><br/>(10 - 12')</p> | <ul style="list-style-type: none"><li>- Khi gặp mẹ Ngọc, Chi đã nói năng rất lễ phép, tự giới thiệu về mình và xin phép được gặp Ngọc.</li><li>- Hai bạn nói chuyện với nhau rất thân và lịch sự.</li><li>- Hai bạn đã chào nhau.</li><li>- Hai bạn đã đặt máy nghe rất nhẹ nhàng.</li><li>- Có, vì các bạn nhận và gọi điện thoại rất lịch sự.</li><li>- Nghe và nhắc lại kết luận.</li></ul> |
|--|--|

|   |   |
|---|---|
| <p><i>a, Mục tiêu:</i> HS biết cần phải làm gì khi nhận và gọi điện thoại.</p> <p><i>b, Cách tiến hành:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát biểu thảo luận cho các nhóm.</li> <li>- Nội dung thảo luận: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Ghi lại các việc nên làm và không nên làm khi nhận và gọi điện thoại.</li> <li>+ Lịch sự khi nhận và gọi điện thoại thể hiện điều gì?</li> </ul> </li> <li>- Nhận xét bổ sung</li> </ul> <p><b>- Kết luận:</b> Khi nhận và gọi điện thoại, cần chào hỏi lễ phép, nói năng rõ ràng, ngắn gọn, nhắc và đặt máy nghe nhẹ nhàng, không nói quá to, nói trống không. Lịch sự khi nhận và gọi điện thoại là thể hiện sự tôn trọng người khác và tôn trọng chính mình.</p> <p><b>4. Hoạt động 3: Liên hệ thực tế (6-8')</b></p> <p><i>a, Mục tiêu:</i> Biết phân biệt hành vi đúng và hành vi sai khi nhận và gọi điện thoại lịch sự.</p> <p><i>b, Cách tiến hành:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Yêu cầu một số cặp học sinh thực</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các nhóm suy nghĩ thảo luận và ghi lại các việc nên làm và không nên làm khi nhận và gọi điện thoại.</li> <li>- Đại diện nhóm trình bày.</li> <li>- Các nhóm nhận xét.</li> <li>- Nghe và nhắc lại.</li> </ul> <p>- Một số cặp học sinh thực hiện cuộc</p> |
|---|---|

|  |  |
|--|--|
| <p>hiện cuộc đối thoại qua điện thoại.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khen ngợi những học sinh đã biết nhận và gọi điện thoại lịch sự.</li> </ul> <p><b>5. <i>Củng cố - Dặn dò:</i></b> (3 - 5')</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khi nhận và gọi điện thoại em cần làm gì?</li> <li>- Vì sao cần lịch sự khi nhận và gọi điện thoại?</li> <li>- Dặn dò HS thực hành theo những điều đã học và chuẩn bị cho tiết 2.</li> </ul> | <p>đối thoại qua điện thoại.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận xét đánh giá.</li> <li>- Khi nhận và gọi điện thoại em cần chào hỏi lễ phép, nói năng rõ ràng, ngắn gọn, nhắc và đặt máy nghe nhẹ nhàng.</li> <li>- Lịch sự khi nhận và gọi điện thoại là thể hiện sự tôn trọng người khác và tôn trọng chính mình.</li> <li>- Ghi vở.</li> </ul> |
|--|--|